BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THANH PHÚ

QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Hà Nội- 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng cá nhân tôi, các số liệu kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án là trung thực theo thực tế nghiên cứu, chưa từng được bất cứ tác giả nào khác nghiên cứu và công bố.

Tác giả luận án

Nguyễn Thanh Phú

CHÚ THÍCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

CBQL	Cán bộ quản lý
CTSV	Công tác sinh viên
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CĐSP	Cao đẳng sư phạm
CSVC	Cơ sở vật chất
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa- hiện đại hóa
CB- GV-SV	Cán bộ, giáo viên, sinh viên
ĐĐ	Đạo đức
ĐĐNN	Đạo đức nghề nghiệp
GD	Giáo dục
GDĐĐ	Giáo dục đạo đức
KTX	Ký túc xá
KTTT	Kinh tế thị trường
LLGD	Lực lượng giáo dục
LLXH	Lực lượng xã hội
NN	Nghề nghiệp
NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
QL	Quản lý
QLGD	Quản lý giáo dục
TTSP	Thực tập sư phạm
TDTT	Thể dục thể thao
RLNVSP	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm
SVSP	Sinh viên sư phạm
XH	Xã hội

2.2. Tổ chức điều tra khảo sát thực trạng đạo đức nghề nghiệp của SVSP và quản lý giáo dục ĐĐNN của sinh viên sư phạm các trường CĐSP miền Đông Nam Bộ. 63

2.3. Thực trạng ĐĐNN của sinh viên trường CĐSP hiện nay 64

2.3.1.Thực trạng chung nhận thức về các chuẩn mực ĐĐNN của sinh viên trường CĐSP 64

2.3.2. Thực trạng chung thái độ của sinh viên về ĐĐ và ĐĐNN 68

2.3.3. Thực trạng về hành vi ĐĐNN của sinh viên 70

2.4. Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV trường CĐSP 75

2.4.1. Nhận thức về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP hiện nay 75

2.4.2. Thực trạng phối hợp các lực lượng tham gia quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP hiện nay 78

2.4.3. Đánh giá về mức độ sai phạm của sinh viên trường CĐSP trong quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp 81

2.5. Thực trạng công tác quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP hiện nay 82

2.5.1. Thực trạng về nội dung quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trường CĐSP 82

2.5.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch giáo dục ĐĐNN cho SV trường CĐSP 83

2.5.3. Thực trạng về tổ chức quản lý giáo dục ĐĐNN 84

2.5.4. Thực trạng công tác chỉ đạo phối hợp thực hiện kế hoạch giáo dục ĐĐNN 87

2.5.5. Thực trạng về biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP 89

2.5.6. Thực trạng quản lý việc kiểm tra, đánh giá kế hoạch giáo dục ĐĐNN 92

2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên của các trường CĐSP 93

2.6.1. Nhóm nguyên nhân chủ quan 94

2.6.2. Nhóm nguyên nhân mang tính khách quan 95

2.7. Đánh giá khái quát thực trạng quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP 96

Tài liệu tham khảo 141

Phụ lục 150

DANH MỤC SƠ ĐỒ VÀ HÌNH VẼ

1.1	Sơ đồ quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP	55
1.2	H ình vẽ: Nhóm thực nghiệm (Xét về mặt nhận thức)	130
1.3	Hình vẽ: Nhóm đối chứng (Xét về mặt nhận thức)	130
1.4	Hình vẽ: Nhóm thực nghiệm (Xét về mặt thái độ	132
1.5	Hình vẽ: Nhóm đối chứng (Xét về mặt thái độ)	132
1.6	Hình vẽ: Nhóm thực nghiệm (Xét về mặt hành vi)	134
1.7	Hình vẽ: Nhóm đối chứng (Xét về mặt hành vi)	134

DANH MỤC BẢNG BIỂU

2.3	Bảng 2.1.1. Thực trạng nhận thức về các chuẩn mực ĐĐNN của sinh viên	64-65
2.3	Bảng 2.1.2. Những tiêu chuẩn cần thiết của người GV tương lai	66
2.3	Bảng 2.1.3: Thực trạng thái độ của sinh viên	69
2.3	Bảng 2.1.4: Thực trạng về hành vi ĐĐNN của sinh viên	70
2.3	Bảng 2.1.5. Thống kê HSSV bị xử lý kỷ luật từ năm 2010-2014	72
2.4	Bảng 2.1.6: Nhận thức về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho sinh viên	75
2.4	Bảng 2.1.7: Mục tiêu phối hợp giáo dục đạo đức cho sinh viên	76
2.4	Bảng 2.1.8: Nhà trường phối hợp với các lực lượng giáo dục ĐĐNN cho SV	78
2.4	Bảng 2.1.9: Thực trạng phối hợp giữa nhà trường và gia đình	80
2.4	Bảng 2.10 : Đánh giá chung về mức độ sai phạm của SV các trường CĐSP	81
2.5	Bảng 2.11: Thực trạng nội dung quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên	82
2.5	Bảng 2.12: Thực trạng xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP	84
2.5	Bảng 2.13:Thực trạng về quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP	85
2.5	Bảng 2.14: Kết quả đánh giá về việc quản lý chỉ đạo phối hợp các lực lượng GD	88
2.5	Bảng 2.15:Thực trạng về biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV	89

MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu

1.1. Hiện nay hầu hết các nghề nghiệp đều đã xác định những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và cụ thể hóa thành những quy định, nội quy, quy chuẩn nghề nghiệp. Nghề sư phạm là nghề mà đối tượng của nó là con người, là quá trình hình thành nhân cách thế hệ trẻ theo những mong đợi của xã hội. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở đội ngũ giáo viên: "Nhiệm vụ của các cô giáo, thầy giáo là rất nặng nề nhưng rất vẻ vang. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó thì phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, không ngừng bồi dưỡng đạo đức cách mạng, lập trường chính trị". [71, Tr. 614- 616]

Đồng thời xác định "Thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng báo, không được thưởng huân chương, song người thầy giáo tốt là người anh hùng vô danh". [71, tr.492] Những năm qua, các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước đều đề cao vai trò của nhà giáo. Đội ngũ giáo viên có vai trò nòng cốt, quyết định công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục đất nước. Nghị quyết Trung ương 2 khóa XIII khẳng định: "Giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng của giáo dục và được xã hội tôn vinh". Bởi vậy, yêu cầu nhà giáo phải: "Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học". [62, tr.57] Luật giáo dục còn ghi rõ: " Nhà giáo phải có những tiêu chuẩn sau đây: phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ; đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp; lý lịch bản thân rõ ràng" [62, tr.54]

Tuy nhiên thực tế ĐĐNN sư phạm ở một số giáo viên cũng như trong đội ngũ sinh viên đang đào tạo tại các trường sư phạm đang còn nhiều bất cập. Vấn đề giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm ngay từ trường sư phạm

3. Khách thể nghiên cứu

Quá trình giáo dục ĐĐNN cho sinh viên ở trường cao đẳng sư phạm.

4. Đối trượng nghiên cứu

Các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường cao đẳng sư phạm.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu được giới hạn tập trung chủ yếu trong phạm vi quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV ở các trường CĐSP thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

- Thực trạng vấn đề nghiên cứu được đánh giá thông qua điều tra, khảo sát, các đối tượng là cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên 3 trường CĐSP tại khu vực miền Đông Nam bộ (Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu) bằng dữ liệu của các tỉnh thành và thông tin từ các buổi làm việc, trao đổi, phỏng vấn tập thể, cá nhân liên quan.

- Tổ chức thực nghiệm sư phạm tại trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước.

6. Giả thuyết khoa học

- Các văn bản cũng như thực tiễn QLGD cho thấy việc tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên các trường CĐSP có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quy trình đào tạo giáo viên. Song thực tế, kết quả tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP hiện nay còn nhiều hạn chế, do nhiều yếu tố chi phối, trong đó việc quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trong các trường CĐSP là một yếu tố cơ bản.

- Nếu đề xuất và triển khai được những biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trong các trường CĐSP theo hướng thực hiện đồng bộ các chức năng quản lý phù hợp với thực tiễn đào tạo của các trường CĐSP hiện nay sẽ nâng cao được kết quả giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Trong số các biện pháp thì biện pháp cải tiến và quản lý tốt thực tập sư phạm là biện pháp có tác dụng tích cực và kết quả rõ rệt nhất về giáo dục ĐĐNN cho SVSP so với các biện pháp khác.

9. Những luận điểm cần bảo vệ

9.1. Con người là chủ thể của hoạt động, học sinh, sinh viên tự làm nên nhân cách của mình, nhưng đồng thời "... trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội" (K.Marx). Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN trong quá trình đào tạo sinh viên ở các trường CĐSP thì việc quản lý phải tạo ra được sự phối hợp thống nhất, đồng bộ tác động các lực lượng giáo dục, các môi trường giáo dục cả vĩ mô và vi mô, trong đó quản lý giáo dục trong nhà trường giữ vai trò chủ đạo và chịu trách nhiệm chính.

9.2. Để tổ chức thực hiện có kết quả tốt, quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP cần phải có những biện pháp quản lý cụ thể, phù hợp với các trường CĐSP. Việc xây dựng các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN trong nhà trường CĐSP cần phải xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu của nhà trường, đặc biệt phải gắn liền với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

9.3. Quản lý giáo dục nói chung và quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP nói riêng có vai trò đảm bảo cho sự phát triển nhân cách đúng hướng đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

10. Đóng góp mới của luận án

- Làm rõ thêm khái niệm đạo đức ĐĐNN sư phạm và lý luận quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP trong các trường CĐSP; làm rõ ý nghĩa của quản lý giáo dục ĐĐNN và vai trò của quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trong các trường CĐSP; xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trong các trường CĐSP hiện nay.

- Tiến hành đánh giá thực trạng ĐĐNN của sinh viên CĐSP và việc quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV ở một số trường CĐSP miền Đông Nam bộ, tìm ra những nguyên nhân của những thực trạng cần giải quyết trong quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trong các trường CĐSP.

- Đề xuất được một số biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN sư phạm cho SV các trường CĐSP nhằm tạo ra sự thống nhất trong quản lý giáo dục ĐĐNN cho

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Nghiên cứu về ĐĐNN và ĐĐNN sư phạm

Hoạt động nghề nghiệp là phương thức sống chủ yếu nhất của con người. Vì vậy, ĐĐNN chính là một phần quan trọng trong đạo đức xã hội. Để sống, con người phải lao động và để lao động có kết quả tốt nhất, con người phải tuân thủ ĐĐNN. Sự phát triển kinh tế xã hội ở bất kỳ thời đại nào cũng phụ thuộc vào phương thức sản xuất và đạo đức nghề nghiệp là nhân tố thúc đẩy. Tuy nhiên để tự giác tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong học tập, lao động, sản xuất, trước hết con người phải có nền tảng về đạo đức xã hội nói chung, tích cực, chủ động vận dụng chuẩn mực đạo đức vào mối quan hệ nghề nghiệp, nâng cao giá trị đạo đức và việc thực thiện và tuân thủ đạo đức sẽ gia tăng lợi ích kinh tế.

Năm (1986 - 1987) theo đề nghị của UNESCO đã có cuộc điều tra quốc tế về giá trị đạo đức của con người chuẩn bị bước vào thế kỉ XXI nhằm mục đích nghiên cứu các vấn đề về giá trị đạo đức và giáo dục về giá trị đạo đức. Cuốn tài liệu "*Giá trị trong hành động*" của Trung tâm Canh tân và Công nghệ giáo dục thuộc tổ chức Bộ trưởng Giáo dục Đông Nam Á, xuất bản năm 1992. Tài liệu trình bày về vấn đề đưa giáo dục giá trị vào nhà trường và cộng đồng các nước Inđônêxia, Philíppin, Malaysia và Thái Lan.

Tại Viện Đại học Doulas Mauson, bang Adelaid, Nam Úc, một số tác giả cho rằng: ĐĐNN là một yêu cầu không thể thiếu của bất cứ loại hình công việc nào. Mỗi loại nghề nghiệp đòi hỏi những người trong từng nghề nghiệp cần phải hội đủ các thành tố đó là: Tri thức, thái độ, kỹ năng. Mỗi một nghề nghiệp thường có một chuẩn mực đạo đức riêng biệt. Các tác giả không nói trực tiếp vào ĐĐNN, nhưng đề cập sâu về thái độ nghề nghiệp, những phẩm chất cần thiết của người làm mỗi nghề.

thể chất và tinh thần, giới tính, tài sản, trình độ học vấn, thu nhập, nguồn gốc, chủng tộc, tôn giáo.

- Sự riêng tư, tính bảo mật và sự công khai: Cán bộ thư viện- thông tin luôn tôn trọng sự riêng tư cá nhân và việc bảo vệ các thông tin cá nhân được trao đổi giữa các cá nhân với các cơ quan, tổ chức.

- Truy cập mở về sở hữu trí tuệ: Cán bộ thư viện- thông tin đều hướng đến mục đích tạo điều kiện cho người sử dụng được tiếp cận thông tin một cách công bằng, nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả.

- Sự tập trung, hội nhập của cá nhân và các kỹ năng chuyên môn: Cán bộ thư viện- thông tin nghiêm túc đảm bảo tính trung lập và lập trường không thiên vị liên quan đến vốn tài liệu, việc tiếp cận và các dịch vụ.

- Mối quan hệ đồng nghiệp và mối quan hệ giữa chủ sở hữu lao động và người lao động: Cán bộ thư viện- thông tin đối xử với nhau trên cơ sở công bằng và tôn trọng lẫn nhau.[30]

Quy định về ĐĐNN của Hiệp hội Tham vấn tâm lý Hoa Kỳ ACA (ACA Code of Ethics, 2005) nhằm phục vụ cho 5 mục đích chính về đạo đức nghề nghiệp. Cụ thể là:

- Giúp hiệp hội (ACA) làm sáng tỏ bản chất những trách nhiệm đạo đức chung nhất phải giữ đối với những hội viên hiện tại, tương lai và cho những người thụ hưởng dịch vụ của các hội viên này.

- Giúp duy trì sứ mệnh của hiệp hội.

- Chính thức hóa những nguyên tắc dùng để xác định những hành vi đạo đức và việc hành nghề một cách tốt nhất của những hội viên.

- Cung cấp sự hướng dẫn về đạo đức để hỗ trợ những hội viên trong việc xây dựng một tiến trình hành động chuyên nghiệp với mục đích phục vụ tốt nhất cho những người sử dụng dịch vụ tham vấn và nâng lên mức cao nhất những giá trị của nghề tham vấn tâm lý.

- Làm căn bản cho việc khiếu kiện và hướng dẫn để phản đối những hội viên của hiệp hội trong những vấn đề đạo đức.

thông qua hiệu qủa công việc. Do đó, ĐĐNN cần phải được thể hiện, định hướng qua hiệu quả làm việc và những đóng góp của người giáo viên.

Ngày nay, ở Việt Nam, nhiều ngành nghề ban hành các nguyên tắc quy định về các tiêu chuẩn, chuẩn mực ĐĐNN. Cụ thể:

Nghề y: Quan điểm y đức của Hồ Chí Minh là "Lương y phải như từ mẫu". Ngày 06/11/1996, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành *"Quy định về y đức",* số 2088/BYT-QĐ.

Ngày 14/12/2007, Bộ Nội vụ có CV số 3613/BNV-TCPCP hướng dẫn ban hành *Quy tắc ĐĐNN cho các tổ chức xã hội nghề nghiệp* trong cả nước.

ĐĐNN của nghề làm báo được quy định thành 9 điều về đạo đức báo chí Việt Nam, được Đại hội VIII Hội Nhà báo Việt Nam thông qua, là những nguyên tắc, những chuẩn mực để điều chỉnh hành vi của nhà báo trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp. Cụ thể quy gọn thành 3 nhóm vấn đề: Người làm báo trung thành với Đảng, chế độ, với lý tưởng chiến đấu mà Đảng, Bác Hồ, nhân dân ta đã lựa chọn; người làm báo cách mạng phấn đấu hết lòng vì nhân dân: đó là hành nghề trung thực, trung thực trong thông tin là bản chất của một nền báo chí chân chính; nhà báo tuân thủ pháp luật, nêu cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ cộng đồng, không lợi dụng nghề nghiệp để vụ lợi, làm điều phi pháp. Báo chí tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc, không làm tổn hại thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam. Đạo đức nhà báo, đòi hỏi phẩm chất trong sáng, lối sống lành mạnh, đạo đức sinh hoạt trong sáng, có tinh thần giúp đỡ, hỗ trợ đồng nghiệp.

Đạo đức trong kinh doanh: Đạo đức trong kinh doanh ngày nay không chỉ là câu khẩu hiệu để lấy lòng người tiêu dùng "Khách hàng là thượng đế" hay "Vui lòng khách đến vừa lòng khách đi". Chúng cũng là công cụ để tối đa hoá lợi nhuận, để củng cố thương hiệu, làm thương hiệu. Giáo sư tiến sĩ Koenraad Tommissen, người đã có kinh nghiệm trên 30 năm điều hành, giảng dạy và tư vấn doanh nghiệp cho biết: "Đạo đức trong kinh doanh là vấn đề nền tảng của mọi giá trị, là phần không thể tách rời của mọi hoạt động, là kim chỉ nam, là yếu tố cơ bản tạo ra danh tiếng cho một công ty. Đạo đức là nền tảng của sự thành công và phát

Điều 7. Ứng xử với tổ chức, cá nhân nước ngoài

Điều 8. Ứng xử nơi công cộng

Điều 9. Ứng xử với nhân dân nơi cư trú

Điều 10. Ứng xử trong gia đình [75]

Có thể thấy rằng: Mọi nghề nghiệp trong xã hội đều cần thiết có những quy định về đạo đức nghề nghiệp của riêng mình. Đó là những chuẩn mực yêu cầu, là thước đo về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để người hành nghề rèn luyện và phấn đấu.

ĐĐNN sư phạm được coi trọng ở mọi quốc gia. Tại bang Victoria- Úc với nghề sư phạm được xây dựng thành các quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học bao gồm: Sự tôn trọng người khác, lòng nhân hậu, sự công minh và công bằng, tính lương thiện và ngay thẳng. Các chuẩn mực ĐĐNN cũng là cơ sở để cụ thể hóa các hành vi đạo đức mà giáo viên phải thực hiện. Đồng thời là căn cứ để giáo viên soi xét lại mình để có sự điều chỉnh và hoàn thiện ĐĐNN cho bản thân.

ĐĐNN sư phạm ở Việt nam có truyền thống lâu đời và rất được coi trọng. Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn coi đạo đức là yếu tố nền tảng của người cách mạng; nhà giáo cũng là những cán bộ cách mạng, vì thế phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành nhiệm vụ một cách vẻ vang. Là người thầy của nền giáo dục hiện đại Việt Nam, Hồ Chí Minh thường đánh giá cao công lao của các thầy, cô giáo. Người nói: "Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được? Vì vậy nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang…". Bác thường nhắc nhở các thầy cô giáo: "Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất là quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng. Đạo đức cách mạng là triệt để trung thành với cách mạng, một lòng một dạ phục vụ nhân dân".[71, tr. 329]

Đặc biệt đề cao vai trò của đạo đức, coi đạo đức là linh hồn của người thầy giáo, vì thế Người căn dặn: "Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức… Cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu…" [72, tr.492] phải thường

Vì thế, theo tác giả, để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên một cách toàn diện thì phải làm cho khoa học giáo dục trở lên hấp dẫn đối với người học, mở rộng phạm vi trách nhiệm đào tạo của các cơ sở đào tạo giáo viên, rèn luyện một cách toàn diện cả về phẩm chất đạo đức và năng lực sư phạm, đa dạng hoá các hình thức giáo dục, giữ gìn và phát huy truyền thống "tôn sư trọng đạo", mặt khác cần cải cách toàn diện chế độ chính sách đối với nghề dạy học và người giáo viên…[93, tr.114- 121]

- Tác giả Thái Duy Tuyên trong một công trình nghiên cứu giáo dục đưa ra khẳng định hết sức quan trọng: "Người thầy giáo quyết định chất lượng giáo dục, thậm chí không có thầy thì không có lớp, không có giáo dục"; [85, tr.96] vì thế người thầy giáo cần phải có "đạo đức nghề nghiệp tốt". Những phẩm chất cần thiết là phải yêu quý học sinh, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục của nhân dân, nghiêm khắc với bản thân, luôn luôn gương mẫu trong công việc và đời sống cá nhân. [85, tr.112] Đó là những chuẩn mực đạo đức rất cơ bản và hết sức cần thiết đối với nhà giáo; tuy nhiên, công trình nghiên cứu chưa xác định những biện pháp giáo dục, rèn luyện các phẩm chất trên.

- Tác giả Nguyễn Kế Hào trong cuốn "Giáo trình tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm"[37] cho rằng: Trong phẩm chất nhân cách của người thầy giáo có thêm một thành tố nữa là: "đạo đức lối sống". Từ đó đưa ra khái niệm "đạo đức nghề nghiệp". Cũng theo tác giả, trong nhân cách nhà giáo giai đoạn kinh tế thị trường, có một số phẩm chất nổi lên, được kết tinh lại như sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp của người thầy giáo. Đó là các phẩm chất: Lý tưởng nghề nghiệp, tính trung thực trong cuộc sống, hoạt động nghề và lòng tin. Chỉ khi có những phẩm chất này thì nhân cách của người thầy giáo mới được hoàn thiện và có bản lĩnh nhà giáo để thực hiện nhiệm vụ cao cả mà xã hội giao phó. Tác giả cho rằng việc hình thành các phẩm chất là nhiệm vụ bắt buộc và có thể thông qua hai con đường: Hình thành trong trường sư phạm và trong quá trình hành nghề. [37]

- Khi nghiên cứu về "Mô hình người giáo viên thế kỷ 21", tác giả Nguyễn Ngọc Bảo cho rằng người giáo viên trước hết phải là nhà giáo dục, nhà tổ chức,

sự hoàn thiện. Ông đã để lại trên 250 công trình có giá trị về văn hóa, khoa học, văn chương... nhưng nổi bật nhất vẫn là lĩnh vực giáo dục.

Một trong những vấn đề ông đặc biệt quan tâm là đức dục. Theo ông, có 4 đức hạnh cơ bản cần giáo dục cho học sinh và thanh niên là:

Thứ nhất, tính công bằng. Giáo dục cho các em làm điều có lợi cho mình đồng thời tránh hại cho người khác; biết tránh những điều bất công, độc ác; biết làm điều thiện, yêu thương và giúp đỡ mọi người. Giáo dục là ánh sáng soi đường cho trí khôn, khai sáng tư duy. Công bằng là không làm điều ác, tổn hại đến người khác và chọn điều thiện vì thương yêu con người.

Thứ hai, tính thận trọng. Thận trọng giúp người ta đạt kết quả vững chắc trong cuộc sống, tự do lựa chọn sau khi đã phân biệt được một cách chính xác giữa cái tốt và cái xấu, giữa cái tốt hơn và cái xấu hơn, giữa cái tốt nhất và cái xấu nhất - để từ đó không rơi vào sự sai lạc của lí trí. Thận trọng trong cả lời ăn tiếng nói, cử chỉ hành động, trong quan hệ giữa con người với con người.

Thứ ba, đức tính điều độ. Điều cần dạy cho trẻ là biết điều độ trong ăn uống, nghỉ ngơi, lao động, chơi đùa. Quy tắc là "không điều gì qúa đáng, phải biết dừng lại trước khi đến chỗ no nê, chán ngán và mọi việc phải có ranh giới".

Thứ tư, biết nhường nhịn. Học sinh, thanh niên phải biết kiềm chế, chiến thắng bản thân mình. Mọi người phải xử sự trong công việc, trong quan hệ một cách có hiểu biết, người này biết nhường nhịn người kia thì thế giới sẽ không hỗn loạn.

Ưu điểm nổi bật là J.A.Cômenxki không dừng lại ở lí luận, lí thuyết chung chung mà ông luôn gắn nó với rèn luyện đạo đức và thể hiện đạo đức trong thực tiễn. Ông cho rằng, đức hạnh con người cuối cùng phải thể hiện ở hành vi giao tiếp, đó là việc xử sự giữa con người với con người, giữa cá nhân với cộng đồng trong lời ăn, tiếng nói, cách chào hỏi, đi đứng, biểu hiện thái độ… Ông cho rằng: Chỉ có giáo dục mới làm cho người ta trở nên một con người đáng là con người. Người giáo viên phải là người có học thức và yêu lao động, yêu một cách vô bờ bến công việc của mình. Ông cho rằng nghề thầy giáo là nghề cao quý "dưới ánh

Giáo sư Lanying Zhang**,** Dezhou University China, trong nghiên cứu về ***giáo dục đạo đức ở các trường cao đẳng trong thời kỳ mới*** đã có những nhận định và phân tích sâu sắc về vị trí, vai trò của GDĐĐ ở các trường cao đẳng và đại học và có định hướng, biện pháp kết hợp GDĐĐ trong thời kỳ mới. Ông *đã phân tích chức năng chi phối và định hướng của giáo dục đạo đức trong việc giáo dục con người.* Trích dẫn trong cuốn "Quy định quản lí sinh viên các trường cao đẳng và đại học sư phạm" có nói: "Sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng nên có sự chỉ đạo sâu sát và và mạnh mẽ, yêu tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ủng hộ sự lãnh đạo của chính phủ, nỗ lực học tập chủ nghĩa Mác, tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, có phương pháp kết hợp giữa công nhân và nông dân, nên có tinh thần tự nguyện hi sinh để làm việc, lao động hăng say cùng với phong cách sống giản dị, từ đó làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh. Mọi người nên hành động đúng theo hiến pháp, các điều luật, nội quy trường học, cùng với phẩm chất đạo đức và dân chủ tốt, nên làm việc chuyên cần và nỗ lực để hiểu thấu đáo kiến thức khoa học văn hóa". Ông xác định *lấy việc giáo dục con người như là trung tâm của việc phát triển giáo dục đạo đức từ mọi hướng, từ đó ông đề ra một số biện pháp kết hợp trong công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên* .[115]

- Tác giả Edward J. Caropreso của Đại học Bắc Carolina ở Wilmington và Aaron W.Weese ở Trường Charlotte- Mecklenberg trong nghiên cứu: *Giáo dục đạo đức: Bài học cho các chương trình chuẩn bị giáo viên*, đã khái quát: Chúng tôi cho rằng vai trò của "giáo dục đạo đức" dạy và học về thực hành đạo đức trong giáo dục, là một trong những yếu tố chưa được khai đầy đủ, khả năng cần thiết và có ảnh hưởng của kinh nghiệm giáo dục, dành cho học sinh và giáo viên. Bài viết này khám phá một số tài liệu liên quan, trích dẫn ví dụ về sự cần thiết phải giáo dục đạo đức và trình bày một khuôn khổ dự kiến để đưa đạo đức giáo dục trong chương trình đào tạo giáo viên. Giáo dục đạo đức là một quá trình quyết định đòi hỏi sự phản ánh liên tục trước khi, trong khi và sau khi hướng dẫn để tạo ra tác động tích cực trong các tình huống học tập. Trong kết luận, giáo dục đạo đức nên được chấp nhận và đưa vào chương trình giáo dục chuyên nghiệp với những giá trị kinh nghiệm giáo dục đạo đức cho tất cả các thành viên tham

pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 1992: "Giáo dục là quốc sách hàng đầu, Nhà nước phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Mục tiêu của giáo dục đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện…" [50]

Chương trình KX-07 nghiên cứu về con người trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập đã khẳng định tư tưởng chung là: Hạt nhân cơ bản của thang giá trị, thước đo giá trị và nhân phẩm con người Việt Nam ngày nay là các giá trị nhân văn truyền thống dân tộc như lòng tự hào dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc, trung với nước, hiếu với dân, nhân nghĩa, cần cù, thông minh, sáng tạo.

Thực tế vấn đề GDĐĐ ở Việt nam có rất nhiều công trình nghiên cứu

- Nghiên cứu điều tra xu hướng nhân cách sinh viên - Ban lý luận giáo dục và tâm lý học, Viện nghiên cứu Đại học và giáo dục chuyên nghiệp (1987 - 1988).

- Xây dựng lối sống và đạo đức cho sinh viên đại học sư phạm phục vụ cho sự nghiệp CNH - HĐH đất nước (mã số QG/96/08, Nguyễn Quang Uẩn).

- Hội thảo: "Định hướng giáo dục giá trị đạo đức trong các trường Đại học", Bộ GD - ĐT (10/1996) gồm 33 báo cáo của các nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý giáo dục và cán bộ giảng dạy đã nêu lên những vấn đề lý luận và thực trạng công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng trong nước.

- Lối sống sinh viên hiện nay và những phương hướng, biện pháp giáo dục lối sống cho sinh viên (Đề tài cấp Bộ, mã số B94 - 38-32, Mạc Văn Trang làm chủ đề tài).

- Tác giả Phạm Minh Hạc trong cuốn "tâm lí học" đã dành riêng chương VIII để đề cập đến người thầy giáo. Tác giả đã chỉ ra các thành tố tạo nên nhân cách người thầy giáo. Đó là năng lực và đạo đức của người thầy giáo. Phân tích về lao động sư phạm và một số phẩm chất cần có của người thầy giáo như cần cù, chăm chỉ, khoa học… trên nền tảng yêu nghề và yêu người [32]. Kết quả nghiên cứu của tác giả là cơ sở quan trọng trong việc xác định nội hàm khái niệm ĐĐNN của nghề dạy học.

Khi nghiên cứu về "Giáo dục đạo đức sinh viên trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam", tác giả Nguyễn Hữu Thụ đã đưa ra ba quan niệm cơ bản về chuẩn mực và nguyên tắc đạo đức như sau:

Thứ nhất, đạo đức được thể hiện trong các hoạt động… *Thứ hai*, đạo đức được thể hiện trong giáo dục công dân - giáo dục các quan niệm, nguyên tắc ứng xử công dân và nguyên tắc ứng xử trong giáo dục. *Thứ ba*, các nguyên tắc đạo đức và nguyên tắc ứng xử trong hoạt động nghề nghiệp. [49, tr.73]

Với quan niệm này, theo tác giả, đối với bậc đại học, giáo dục đạo đức không chỉ dừng lại ở việc giáo dục luân lý mà cần tăng cường giáo dục nguyên tắc ĐĐNN cho sinh viên. Coi trọng bồi dưỡng tri thức, năng lực và thái độ đối với hành vi xã hội và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tác giả cho rằng, một trong những giải pháp quan trọng hiện nay là cần phải "Xây dựng được chương trình giáo dục đạo đức thông qua nội dung các môn học, các hoạt động nội và ngoại khoá cho sinh viên trong suốt thời gian đào tạo".[49, tr.77]

Coi lương tâm nghề nghiệp là một phẩm chất đạo đức cốt lõi, bao trùm lên toàn bộ hoạt động sư phạm của người giáo viên, tác giả Nguyễn Hữu Long đã nghiên cứu về cấu trúc của "Lương tâm nghề dạy học". Những phẩm chất mà tác giả đưa ra mang tính khái quát và có thể nghiên cứu cụ thể hoá vào việc xây dựng chuẩn mực đạo đức của nhà giáo hiện nay. Theo tác giả thì cần phải đưa những nội dung đó vào chương trình "Nhập môn sư phạm" được thực hiện ngay trong tuần đầu tiên của năm học thứ nhất .[49, tr.155]

Tác giả Nguyễn Cảnh Toàn cho rằng: "Tri thức có thể có được bằng cách luyện tập cấp tốc trong một thời gian ngắn nhưng phẩm chất nghề nghiệp thì không thể có được trong ngày một, ngày hai. Những phẩm chất đó muốn có được phải có tổ chức giáo dục chặt chẽ ngay từ khi sinh viên mới bước vào trường". [92] Trong bài viết của mình tác giả nhấn mạnh việc giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm có được những phẩm chất nghề nghiệp là một công việc lâu dài, khó khăn và phức tạp. Qúa trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp được chia

hưởng đến kết quả nhận thức tình cảm và hành vi sinh viên... Những gì quan trọng nhất là chất lượng giảng dạy của giáo viên, lại do các nhà quản lý đã đề ra chiến lược hỗ trợ giáo viên phát triển chuyên nghiệp![78] Burant và Chubbuck đã đưa ra khuyến nghị khẩn cấp tổ chức việc bồi dưỡng nâng cao đạo đức nghề nghiệp thông qua các chương trình đào tạo giáo viên: ...Chúng tôi tin rằng sự chú ý của chúng tôi trong đào tạo giáo viên phải thay đổi đáng kể đến hình thành không chỉ có kiến thức và kỹ năng mà là tình cảm đạo đức làm nền tảng. Giảng dạy và giáo dục đạo đức không thể tách nó ra một cách biệt lập. Đạo đức luôn luôn là kịch bản được thể hiện trong các lớp học, trong hành động của giáo viên, dù cố ý hay không, và sự phức tạp môi trường lớp học khiến các hoạt động của giáo viên cần phải luôn thay đổi định hướng, thay đổi các hoạt động của mình cho phù hợp. Do đó sự quan tâm, tìm hiểu cụ thể của các nhà quản lý đến sự hình thành đạo đức của giáo viên trước khi tiến hành tổ chức bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho họ là rất quan trọng.[78]

Thể hiện quan điểm này, tác giả đã than phiền rằng " Đào tạo giáo viên đã bỏ qua việc dạy đạo đức", và thúc giục, nhấn mạnh hơn giáo dục đạo đức và đạo đức nghề nghiệp phải được đặt trên hết bởi vì các chương trình đào tạo giáo viên là "vị trí ban đầu để làm quen giáo viên mới với tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp mà họ đã chọn lựa". Hơn nữa, như Snook (2003) chỉ ra, bởi vì giáo dục nhằm thay đổi con người theo những cách riêng, và sử dụng phương pháp này liên quan đến các cá nhân các mối quan hệ thứ bậc dạy học là một nghề mà vấn đề đạo đức là trung tâm và do đó cung cấp giáo dục đạo đức nghề nghiệp để quy chuẩn hành vi của giáo viên là rất quan trọng .

Ở Canada và một số nước Nam Á đã có các chương trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức giáo viên bằng việc xây dựng mã số giáo viên. Từ Ontario, Quy chế 437/97 được thực hiện dưới luật giáo viên năm 1996 đã được ban hành. Sau đó, nhóm phát triển của các tiêu chuẩn thực hành đã được xem xét cùng với số liệu của 21 nhóm tập trung tổ chức trong Ontario. Eliabeth Campbell của Viện Ontario Nghiên cứu Giáo dục/Đại học Toronto đã tiến hành một hội thảo "Suy nghĩ về tính phức tạp của vấn đề đạo đức" để hỗ trợ các cuộc thảo luận xung quanh đạo

Ở Việt Nam, vấn đề quản lý giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nói chung và SVSP nói riêng đã được đặt ra từ quan điểm của Đảng và Nhà nước. Nhiều nhà khoa học đã có những nghiên cứu theo từng cách tiếp cận khác nhau để xác định cách thức và biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV.

Nghiên cứu về đạo đức nhà giáo, nhóm tác giả Bùi Minh Hiền - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo khẳng định, đội ngũ giáo viên có vai trò rất quan trọng cho sự thành bại của sự nghiệp giáo dục. Vì rằng, sản phẩm mà họ tạo ra là sự tích hợp cả nhân tố tinh thần và vật chất, đó là "Nhân cách - sức lao động". Do vậy, giáo viên cần phải đạt "Chuẩn về đạo đức tư cách người thầy"; một trong những biện pháp đó là luôn: "Tăng cường tính kỷ cương sư phạm để mọi người trong đội ngũ đều có phẩm chất tốt, là tấm gương sáng cho học sinh".[42, tr.275 - 276] Trong nghiên cứu này, các tác giả chủ yếu đi sâu vào xác định biện pháp quản lý giáo viên dưới góc độ của khoa học quản lý giáo dục, chưa đi sâu nghiên cứu về hệ thống chuẩn mực đạo đức của nhà giáo và biện pháp giáo dục ĐĐNN cho sinh viên đang đào tạo trong nhà trường sư phạm.

Nghiên cứu về công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ở các nước trên thế giới, tác giả Phạm Đỗ Nhật Tiến khẳng định: hầu như nước nào cũng có luật hoặc bộ quy tắc về ĐĐNN trong giáo dục (gọi tắt là sư đức). Điều này không chỉ do sự phát triển của hệ thống luật pháp, mà chủ yếu là để thể chế hoá những yêu cầu mà xã hội trông mong ở người thầy: "Giáo viên…bao giờ cũng là tấm gương đạo đức để học sinh, sinh viên noi theo".[86, tr.2] Tác giả dẫn chứng: "Quy định về sư đức của bang Victoria, Australia, các chuẩn mực đạo đức cơ bản là: sự tôn trọng người khác, lòng nhân hậu, sự nghiêm minh và công bằng, tính lương thiện và ngay thẳng".[86, tr.2 - 3]. Các chuẩn mực đạo đức trên là cơ sở để cụ thể hoá các hành vi đạo đức mà giáo viên phải tuân theo, không được coi là đầy đủ và cuối cùng mà phải được bổ sung, hoàn thiện trong thực tiễn hoạt động. Một dẫn chứng khác được tác giả nêu ra, Hội nghị lần thứ 3 của Tổ chức quốc tế giáo dục, tổ chức tại Jomtien năm 2001 đã thông qua "Tuyên ngôn về ĐĐNN nhà giáo" gồm 6 điều, quy định các cam kết của giáo viên đối với nghề, đối với

Như vậy, tác giả vừa khẳng định tầm quan trọng, mặt khác vừa đề cập tới vai trò, trách nhiệm của nhà trường sư phạm trong đào tạo giáo viên.

Hội thảo toàn quốc về vấn đề "Giáo dục nhân văn cho sinh viên Đại học Việt Nam trong thời đại mới" được tổ chức tại đại học Duy Tân ngày 19/09/2010 với sự tham gia đóng góp của nhiều nhà khoa học giáo dục hàng đầu như Phạm Minh Hạc, Bành Tiến Long, Vũ Ngọc Hoàng, Hoàng Chương…tập trung là việc xác định những giá trị nhân văn cần giáo dục cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

Các vấn đề nghiên cứu về quản lý giáo dục ĐĐNN còn được trình bày ở một số đề tài luận án tiến sĩ.

- Luận án: *Những biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SVSP trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*- Nguyễn Anh Tuấn, 2008.

- Luận án: *"Xây dựng mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên trong các trường đại học trong giai đoạn hiện nay"*- Nguyễn Thị Hoàng Anh - 2010.

Tuy nhiên đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, cụ thể và có hệ thống về quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP trường CĐSP trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Lý luận về giáo dục đạo đức nghề nghiệp sư phạm

1.2.1. Khái niệm đạo đức và giáo dục đạo đức

1.2.1.1. Đạo đức

Với tư cách là một bộ phận của tri thức triết học, những tư tưởng đạo đức học xuất hiện hơn 26 thế kỷ trước đây trong triết học Trung Quốc, Ấn Độ, Hi Lạp cổ đại. Danh từ đạo đức bắt nguồn từ tiếng Latinh là "mos" (moris) - lề thói, đạo nghĩa. Còn "luân lý" được xem như là đồng nghĩa với "đạo đức" có gốc từ tiếng Hi Lạp là "ethicos" - lề thói, tập tục. Khi nói đến đạo đức, tức là nói đến những lề thói và tập tục biểu hiện mối quan hệ nhất định giữa người với người trong sự giao tiếp với nhau hằng ngày.

mình cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và sự tiến bộ của xã hội trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân và xã hội.

1.2.1.2. Giáo dục đạo đức

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lê nin, giáo dục là một dạng hoạt động đặc thù chỉ có ở loài người; giáo dục tồn tại, vận động, phát triển theo sự tồn tại vận động và phát triển của xã hội. Giáo dục là một hiện tượng xã hội chịu sự chi phối mọi lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Mặt khác, sự phát triển của giáo dục và sự hoàn thiện về chất lượng giáo dục là yếu tố then chốt tạo ra sự phát triển của xã hội, của mỗi quốc gia, của nền văn minh nhân loại.

Đạo đức của con người được hình thành, phát triển lên từ ấu thơ cho đến trưởng thành. V.Lê nin từng nói: Cùng với dòng sữa mẹ, đứa trẻ tiếp thu cả một nền văn hóa. Vì vậy, khái niệm giáo dục đạo đức theo nghĩa rộng chính là quá trình xã hội hóa của cá nhân; quá trình con người tiếp thu các chuẩn mực văn hóa, đạo đức từ gia đình, cộng đồng, xã hội để trở thành một thành viên tích cực của xã hội.

Khái niệm giáo dục đạo đức trong luận án này giới hạn, nói về hoạt động giáo dục đạo đức trong nhà trường. Đó là việc giáo dục đạo đức được tổ chức, tiến hành có mục đích, nội dung, phương pháp theo một quá trình được hoạch định của nhà quản lý.

Tác giả Phạm Viết Vượng quan niệm "Giáo dục đạo đức là quá trình tác động tới học sinh để hình thành cho họ ý thức, tình cảm và niềm tin đạo đức, đích cuối cùng quan trọng nhất của giáo dục đạo đức là tạo lập được những thói quen hành vi đạo đức". [110, tr.157]

Theo tác giả Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt:

"Giáo dục đạo đức là quá trình biến đổi hệ thống các chuẩn mực đạo đức từ những đòi hỏi bên ngoài, bên trong của cá nhân thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục". [73, tr.128]

GDĐĐ là quá trình tổ chức hoạt động truyền thụ và rèn luyện nhằm hình thành cho con người những quan điểm cơ bản nhất, những nguyên tắc chuẩn

Theo sự phát triển xã hội hiện nay ta có thể hiểu: *Nghề là một hoạt động chuyên môn của con người được đào tạo về tri thức, kỹ năng, giáo dục ĐĐNN giúp họ làm một công việc thường xuyên để sinh sống và đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Nghề nghiệp không chỉ đảm bảo cuộc sống mà còn tôn vinh con người làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp đó.*

* Đạo đức nghề nghiệp:

Tác giả Mạc Văn Trang trong nghiên cứu "Tâm lý học sư phạm kỹ thuật " đã chỉ ra là: Trong xã hội có hàng trăm nghìn nghề với những chuyên môn khác nhau. Mỗi người hành nghề dù ở lĩnh vực nào đều phải thấm nhuần đạo đức chung của xã hội, đều phải mang trong mình những giá trị phổ quát của nhân loại và của dân tộc. Đạo đức nghề nghiệp nói chung không thể tách rời nền tảng đạo đức chung của mỗi con người.

Tuy nhiên mỗi một nghề, do tính đặc thù của nó lại đòi hỏi người hành nghề có những tri thức, kỹ năng, thái độ đối với công việc, đối với khách hàng và đối với bản thân theo những yêu cầu khác nhau.

Theo cách phân loại nghề của E.A.Klimov thì thế giới nghề nghiệp dù đa dạng đến đâu, nhưng xét theo đối tượng hành nghề có thể chia ra 5 nhóm nghề cơ bản, với những yêu cầu có tính đặc thù đối với chủ thể lao động nghề nghiệp. Chẳng hạn:

- Nhóm nghề: Người- Thiên nhiên đòi hỏi người làm nghề phải có tình yêu thiên nhiên, ham mê khám phá thiên nhiên và trách nhiệm cao về bảo vệ môi trường tự nhiên;

- Nhóm nghề: Người – Kỹ thuật lại dành cho những người say mê với các thiết bị kỹ thuật, máy móc, công nghệ, khát khao tạo ra những công cụ, nguồn năng lượng tối ưu phục vụ cho xã hội...;

- Nhóm nghề Người- Người đòi hỏi người hành nghề phải thấm nhuần các giá trị nhân văn, yêu thích tìm hiểu tâm lý con người, thích giao tiếp với người khác và xã hội; giàu tình thương và trách nhiệm với con người, nhất là với trẻ em và những người khốn khó... Đây chính là đặc trưng của nghề giáo viên;

ĐĐNN luôn thể hiện qua hành vi NN và kết quả lao động. ĐĐNN có các chức năng sau đây:

- Định hướng giáo dục những người làm việc trong NN để họ có được những phẩm chất phù hợp với mong đợi của xã hội và mục tiêu ĐĐNN;

- Điều chỉnh hành vi của người làm việc trong NN phải tuân thủ những quy tắc, chuẩn mực của lĩnh vực đó;

- Giúp những người quản lý có cơ sở khách quan để đánh giá người lao động nghề nghiệp…

Tóm lại, từ nội hàm của khái niệm đạo đức nói chung và qua một số nét đặc trưng của nghề nghiệp ta có thể hiểu: *ĐĐNN là hệ thống các chuẩn mực đạo đức phản ánh những yêu cầu đòi hỏi của xã hội, của bản thân nghề nghiệp đối với người làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp đó; là yếu tố cơ bản giúp họ có nhận thức, thái độ, hành vi đúng đắn trong nghề nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình*.

- ĐĐNN là phản ánh những đòi hỏi của xã hội đối với nghề đó;

- Người làm nghề phải có những phẩm chất đạo đức do nghề yêu cầu;

- ĐĐNN thể hiện ở nhận thức, thái độ, hành vi và kết quả lao động của người hành nghề.

1.2.2.2. Đạo đức nghề nghiệp sư phạm

Hằng bao đời nay dù bất kỳ trong chế độ xã hội nào, dù ở phương Đông hay phương Tây, thì vai trò và vị trí của người Thầy giáo cũng được coi trọng và tôn vinh. Tư tưởng về người thầy giáo với những yêu cầu cao về đạo đức đã hình thành rất sớm trong lịch sử giáo dục nhân loại. Khổng Tử (551 - 479 TCN) là người sáng lập ra học thuyết đạo đức của Nho giáo thời phong kiến Trung Hoa, Ông cho rằng người thầy giáo trước hết phải là người mẫu mực về đạo đức để làm tấm gương cho học trò noi theo. Muốn vậy, người thầy giáo phải: "Học nhi bất yếm, hối nhi bất quyện" *(học không biết chán, dạy không biết mỏi)*; "Vô ý, vô cố, vô chấp, vô ngã" (*Không riêng tư, không định kiến, không cố chấp, không vị mình*); "Bất tứ giáo: Quái, lực, loạn, thần"; *(Không dạy những điều quái dị, vũ lực, phản loạn, quỷ*

4. Có tinh thần đoàn kết. Đây là phẩm chất quan trọng của người thầy.

5. Gương mẫu để làm tấm gương sáng đối với thế hệ sau.[39]

6. Người căn dặn người cách mạng nói chung, người thầy giáo nói riêng cần phải tu dưỡng đạo đức suốt đời, không được chủ quan, tự mãn. Theo đó, việc tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện trong các mối quan hệ của người thầy. Đó là đối với công việc, đối với đồng nghiệp, với học trò, với các tổ chức đoàn thể, với nhân dân…

Những quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò, phẩm chất nhân cách và nguyên tắc xây dựng đạo đức của người thầy giáo là cơ sở phương pháp luận quan trọng định hướng cho việc nghiên cứu, đánh giá đạo đức nhà giáo hiện nay.

- Nghề giáo viên: " Nghề giáo viên đòi hỏi người hành nghề phải được đào tạo, đủ đảm bảo về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, vai trò nhà giáo theo yêu cầu xã hội". [97,Tr. 93]

Đối với giáo viên, giảng viên (gọi chung là giáo viên) ở những cấp học, ngành học khác nhau có những yêu cầu cụ thể khác nhau, nhưng nghề giáo viên có những đặc điểm chung về lao động sư phạm. Lao động sư phạm của người giáo viên là một loại *lao động đặc thù*, Bởi vì:

1.Mục đích, sứ mệnh của lao động sư phạm mang ý nghĩa, giá trị xã hội quan trọng. Đó là giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ thành những "người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sỹ tốt, người cán bộ tốt của nhà nước" (Hồ Chí Minh), đào tạo nguồn nhân lực, nguồn lực quan trọng nhất, quyết định sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. "Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người".

2. Đối tượng lao động của người giáo viên là con người, là thế hệ trẻ đang lớn lên rất nhạy cảm với những tác động của môi trường bên ngoài theo hướng tích cực và cả hướng ngược lại. Như vậy người giáo viên phải lựa chọn và "gia công" lại những tác động xã hội và tri thức loài người bằng lao động sư phạm của mình nhằm giúp cho học sinh, SV tự phát triển, hình thành con người đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đối tượng đó vừa là khách thể vừa là chủ thể của quá trình giáo dục.

quá trình học tập trong trường phổ thông, trường sư phạm và tự học suốt đời. Thế giới quan nhà giáo chi phối về thái độ và hành vi trong việc lựa chọn nội dung và phương pháp giảng dạy và giáo dục; phương pháp xử lý và đánh giá đạo đức của học sinh, sinh viên…

- Lý tưởng nghề nghiệp: Có thể nói lý tưởng nghề dạy học chính là biểu hiện xu hướng hoạt động sư phạm của người thầy giáo, "là điều kiện bên trong để hình thành lòng yêu nghề, yêu trẻ, nhờ đó mà thầy giáo có thái độ say mê công việc giảng dạy và giáo dục trẻ em. Khuynh hướng này ngày càng mở rộng, càng sâu sắc khi từng bước người chọn nghề thầy giáo đi sâu vào nghiệp vụ sư phạm".

Lí tưởng nghề nghiệp thể hiện lí tưởng sống của người giáo viên. Nghề dạy học hơn bất cứ nghề nào khác cần xác định đúng đắn lí tưởng nghề nghiệp, nó chính là biểu hiện xu hướng hoạt động sư phạm của người thầy giáo, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt con đường sự nghiệp làm thầy. Mặt khác, lí tưởng của thầy giáo còn có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành nhân cách của học sinh.

Lí tưởng nghề nghiệp của người thầy giáo thể hiện ở niềm tin sư phạm, niềm say mê nghề nghiệp, tâm huyết với nghề, tận tâm với học sinh, với công việc, lối sống giản dị lành mạnh…Điều đó tạo nên sức mạnh, động lực bên trong giúp người thầy vượt qua được những khó khăn trở ngại hoàn thành nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ.

Lí tưởng nghề nghiệp của người thầy giáo chỉ được hình thành và phát triển trong quá trình tôi luyện nhân cách người thầy giáo thông qua quá trình học tập và lao động nghề nghiệp. Chính vì vậy cần phải quan tâm giáo dục nghề nghiệp cho sinh viên ngay từ khi mới bước vào trường cũng như trong suốt quá trình đào tạo ở nhà trường.

- Lòng yêu trẻ: Lòng thương người chính là đạo lý của cuộc sống vậy nên yêu trẻ là một phẩm chất cao quý của con người, là phẩm chất đặc trưng trong nhân cách của người thầy giáo. Trong bài nói chuyện tại trường ĐHSP Hà Nội, ngày 29/6/1962, Cố tổng bí thư Lê Duẩn đã nói: " *Những thầy giáo không yêu nghề cũng có nghĩa là đồng chí đó không yêu người. Càng yêu người bao nhiêu thì càng*

- Tiếp cận ở góc độ pháp lý, quản lý giáo dục

ĐĐNN sư phạm được văn bản hóa thành những quy định cụ thể: Ngày 16/4/2008 Bộ GD-ĐT đã ra Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT Quy định về đạo đức nhà giáo. Có thể coi đây là cơ sở pháp lí, khoa học để các nhà giáo nỗ lực rèn luyện đạo đức phù hợp với nghề dạy học được xã hội tôn vinh, đồng thời là một trong những cơ sở để đánh giá, xếp loại và giám sát nhà giáo nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất và lương tâm nghề nghiệp trong sáng, có tính tích cực học tập, không ngừng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp sư phạm, có lối sống và cách ứng xử chuẩn mực, thực sự là tấm gương cho học sinh noi theo. Quy định về đạo đức nhà giáo, đồng thời cũng là cơ sở quan trọng trong việc định hướng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SVSP trong các trường, khoa sư phạm hiện nay. Những quy định cụ thể như sau:

Về đạo đức nghề nghiệp (Điều 4):

1. Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

2. Tận tụy với công việc, thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.

3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất, năng lực giảng dạy của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc; thường xuyên học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; sống trung thực, lành mạnh, là tấm gương tốt cho học sinh.

3. Tiêu chí 3. Ứng xử với học sinh

Thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, giúp học sinh khắc phục khó khăn để học tập và rèn luyện tốt.

4. Tiêu chí 4. Ứng xử với đồng nghiệp

Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục.

Tiêu chí 5. Lối sống, tác phong

Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và môi trường giáo dục; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

Định chuẩn này vừa là cơ sở định hướng cho quá trình rèn luyện của người giáo viên vừa là mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra cho quá trình đào tạo giáo viên của trường CĐSP. Việc giáo dục các phẩm chất đạo đức nhà giáo cho sinh viên CĐSP đóng vai trò là nền móng vững chắc cho quá trình hình thành nhân cách sư phạm.

1.2.4.2. Yêu cầu từ mục tiêu đào tạo của trường CĐSP

Trường CĐSP phải luôn quán triệt mục tiêu đào tạo của bậc giáo dục đại học là: "Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng bảo vệ tổ quốc". Nhà trường sư phạm được coi là "bộ phận công nghiệp nặng" là "chiếc máy cái" của ngành giáo dục, là nơi đào tạo ra lực lượng tri thức đông đảo làm nhiệm vụ giáo dục và dạy học.

Từ những cơ sở về mục tiêu đào tạo của nhà trường và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên trung học mà Bộ giáo dục đã ban hành và những cơ sở về mục tiêu đào tạo của nhà trường, có thể cụ thể hóa các tiêu chí về ĐĐNN của SVSP là:

a. Chấp hành Luật giáo dục, quy chế ngành, điều lệ quy định nhà trường

b. Yêu nghề, gắn bó với nghề dạy học

c. Có lòng nhân ái

- Môn tâm lý giáo dục sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về công việc dạy học và giáo dục, hình thành các giá trị nghề nghiệp, thái độ, cách cư xử, hành vi đạo đức trong các mối quan hệ của sinh viên nhất là cách ứng xử phù hợp với các mối quan hệ trong lao động sư phạm.

- Qua dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn hướng đến việc giáo dục chủ nghĩa nhân đạo, những giá trị phổ quát của nhân loại, làm cho nội dung này trở thành tình cảm, niềm tin, lẽ sống của mỗi sinh viên. Giúp các em có tình cảm, quan niệm đạo đức phù hợp các giá trị đạo đức chung và đạo đức nghề nghiệp.

- Qua dạy học các môn khoa học tự nhiên sẽ đóng góp cho sinh viên sư phạm về tư duy logic, sáng tạo, tính trung thực, khách quan...

- Thông qua giảng dạy các môn năng khiếu nghệ thuật như hội họa, âm nhạc, thể dục thể thao tạo cơ hội cho sinh viên sư phạm phát triển óc sáng tạo, thể hiện được những xúc cảm và những trải nghiệm của bản thân về cái đẹp của đạo đức nghề nghiệp.

1.2.5.2. Bằng con đường hoạt động thực tiễn nghề sư phạm

Đối với SVSP thì *hoạt động kiến tập, thực thực tập sư phạm* là điều kiện cần thiết để giáo sinh nắm được lí luận một cách sâu sắc, sáng tạo và có ý thức hơn. Hoạt động thực tập sư phạm với những hình thức đa dạng, phong phú của nó là cơ hội quan trọng để giáo sinh được tiếp xúc với người thực, việc thực qua đó củng cố, khắc sâu những gì các em lĩnh hội được từ những bài giảng lí thuyết, trong sách vở. Đồng thời góp phần quan trọng vào việc hình thành tình cảm nghề nghiệp của SV, đặc biệt là lòng yêu trẻ, tạo động lực để SV tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của mình khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường sư phạm.

Tác giả Nguyễn Đình Chỉnh trong cuốn "Thực tập sư phạm" đã đánh giá cao vai trò giáo dục đạo đức nghề nghiệp qua công tác thực tập sư phạm. Quan điểm này là sự phù hợp với lý luận và thực tiễn giáo dục hiện nay tại các trường sư phạm đào tạo giáo viên.

Như vậy là, trong quá trình thực tập sư phạm, các giáo sinh được "hiện thực hóa" bản thân trong hoạt động sư phạm thực sự sống trong môi trường sư phạm

1.2.5.4. Thông qua sự tự rèn luyện của sinh viên

Sự tự rèn luyện và tu dưỡng của sinh viên là con đường trực tiếp có ý nghĩa quyết định trong quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp ở sinh viên. Khi nhân cách của cá nhân đã được định hình thì khi xem xét, đánh giá các vấn đề, cá nhân sẽ dựa trên quan điểm, lập trường, niềm tin đạo đức của mình. Lúc này các tác động bên ngoài được sàng lọc thông qua cái bên trong mà cụ thể là tự ý thức, lương tâm trở thành nhân tố điều chỉnh hành vi đạo đức cá nhân.

Nhà hoạt động giáo dục Xô viết A.V.Lunasaxki đã rất coi trọng việc tự giáo dục của người thầy giáo, ông nói: "Người thầy giáo phải học tập; nhưng học tập và dạy dỗ học sinh... để sao cho trong quá trình đó trở thành ngày một minh mẫn hơn, trong sạch hơn, có đạo đức cộng sản chủ nghĩa nhiều hơn, và rồi tiến tới trở thành một mẫu người, đến mức có thể không chỉ giới hạn hình thành mẫu người đó cho chính bản thân mình; mà còn hình thành mẫu người đó cho tất cả những người được giáo dục". [114, tr.292]

Mọi tác động giáo dục bên ngoài đều phải thông qua nguyên nhân bên trong mới gây được tác dụng. Do đó nhà quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên sư phạm cần coi trọng các hình thức tự rèn luyện, tự giáo dục ĐĐNN sư phạm, như:

- Ghi nhật ký sư phạm (Nhất là khi tham gia kiến thực tập sư phạm).

- Tự nhận xét, tự đánh giá kết hợp đánh giá của tập thể (Trong dịp cuối học kỳ, cuối năm học).

- Hội nghị chuyên đề trao đổi kinh nghiệm về tự tu dưỡng ĐĐNN của sinh viên sư phạm…

1.2.6. Đặc điểm tâm lý sinh viên với việc hình thành ĐĐNN sư phạm

Giáo dục ĐĐNN sư phạm muốn đạt kết quả tốt phải phù hợp với đặc điểm sinh viên. SVSP là một nhóm xã hội đặc biệt. Là một bộ phận của tầng lớp thanh niên SV, SVSP cũng mang những phẩm chất mà thế hệ trẻ Việt Nam đang xây dựng: Độc lập và thống nhất Tổ quốc; tự do và dân chủ; lòng nhân đạo, trọng hiền tài, học vấn, giá trị nghề nghiệp; tình yêu và cuộc sống gia đình, [105, tr.192- 198] sức khỏe, học vấn và tri thức, việc làm và nghề nghiệp. [8, tr.61]

- Đời sống tình cảm của tuổi sinh viên

Theo B.G Ananhev và một số nhà tâm lí khác, tuổi SV là thời kì phát triển tích cực nhất của những loại tình cảm cao cấp như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mĩ. Hầu hết SV bộc lộ sự chăm chỉ, say mê của mình đối với chuyên ngành và nghề nghiệp đã chọn. Khác với những lứa tuổi trước, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mĩ ở tuổi SV biểu lộ một chiều sâu rõ rệt. Họ yêu thích cái gì đều có thể lý giải, phân tích một cách có cơ sở. Cá biệt có những SV đã xây dựng được "triết lý" cho cái đẹp của mình theo chiều hướng khá ổn định. Điều này lí giải tại sao ở độ tuổi này SV có cách cảm, cách nghĩ riêng, có phong cách kiến trúc, hội hoạ, điêu khắc riêng…

Tình bạn cùng giới, khác giới ở tuổi SV tiếp tục phát triển theo chiều sâu, đã làm phong phú thêm tâm hồn, nhân cách của sinh viên rất nhiều. Bên cạnh tình bạn, tình yêu nam nữ ở tuổi SV là một lĩnh vực rất đặc trưng, đã đạt đến hình thái chuẩn mực của những biểu hiện phong phú đặc sắc của nó. Nhìn chung tình yêu nam nữ ở tuổi SV rất đẹp, lãng mạn, đầy thi vị, song trong lĩnh vực này, đa số sinh viên đã chọn con đường tập trung mọi mặt cho học tập, học nghề. Cách này mang lại nhiều hiệu quả trong học tập và giúp họ càng vững vàng, chín chắn hơn trong cuộc sống.

- Đặc điểm về tự đánh giá, tự giáo dục ở sinh viên

Tự ý thức là một trình độ phát triển cao của ý thức. Nó giúp cho SV hướng tới sự tích cực, chủ động theo những chuẩn mực đạo đức xã hội. Từ đó biết tự đánh giá bản thân. Đây là một phẩm chất quan trọng của nhân cách. Công việc tự đánh giá của SV phải đạt được độ toàn diện và sâu sắc, phải đạt đến mức độ bản chất, nội dung của sự việc. Qua hoạt động tự đánh giá mà sinh viên CĐSP có thái độ, hành vi sao cho phù hợp với tính chất của lao động sư phạm. Ý thức tự đánh giá ở SV có ý nghĩa để tự giáo dục. Vì thế, SV đã sớm hình thành cho mình một số phẩm chất nhân cách như: Lòng tự trọng, sự tự tin vào bản thân, lòng yêu trẻ, lòng nhân ái, yêu thích lao động sư phạm ở SV…Đó là những tiền đề quan trọng để hình thành ĐĐNN.

hợp các lực lượng xã hội nhằm đẩy mạnh hoạt động đào tạo thế hệ trẻ theo yêu cầu xã hội hiện nay. *Theo nghĩa hẹp*: QLGD, quản lý trường học cụ thể là một chuỗi tác động hợp lý (có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống) mang tính tổ chức sư phạm của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên, nhân viên và học sinh; đến những lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường nhằm huy động họ cùng cộng tác, phối hợp tham gia vào các hoạt động của nhà trường, làm cho quy trình này vận hành tới việc hoàn thành những mục tiêu dự kiến. [29]

Xét khái niệm QLGD trên hai phương diện.

QLGD ở cấp độ vĩ mô (quản lý hệ thống giáo dục) được hiểu là "những tác động tự giác" (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống và hợp quy luật ..) của chủ thể QLGD đến tất cả các mắt xích của hệ thống giáo dục nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả việc tổ chức, huy động, điều phối, giám sát và điều chỉnh... các nguồn lực (nhân lực, vật lực và thông tin) để hệ thống giáo dục vận hành đạt được mục tiêu phát triển giáo dục. [16, tr.9]

QLGD ở cấp độ vi mô (quản lý một cơ sở giáo dục) được hiểu là "hệ thống những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống và hợp quy luật...) của chủ thể quản lý một cơ sở GD đến đội ngũ giảng viên, giáo viên, người học và các lực lượng tham gia giáo dục khác trong và ngoài cơ sở giáo dục đó, nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu đào tạo của cơ sở giáo dục". [16, tr.20]

Như vậy, một cách chung nhất có thể xác định*: Quản lý giáo dục là quá trình tác động có ý thức (có mục đích, có tổ chức) của chủ thể quản lý tới khách thể, thực hiện các chức năng quản lý nhằm đưa hoạt động sư phạm của hệ thống giáo dục đạt các mục tiêu GD đã xác định.*

- Quản lý giáo dục đạo đức:

Từ khái niệm quản lý giáo dục nêu trên có thể hiểu khái niệm quản lý giáo dục đạo đức như sau: *Quản lý giáo dục đạo đức là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý nhằm đưa hoạt động giáo dục đạo đức đạt được kết quả theo mục tiêu xác định.*

- Xét *ở phương diện hoạt động quản lý (*Theo hướng nghiên cứu của đề tài) thì quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP bao gồm các hoạt động sau:

1. Cụ thể hóa mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SVSP

Giáo dục ĐĐNN là phải vận dụng các chuẩn đạo đức nhà giáo vào xác định các tiêu chuẩn ĐĐNN sư phạm phù hợp với SVSP (Hay là cụ thể hóa mục tiêu thành các tiêu chí đánh giá ...)

2. Kế hoạch hóa giáo dục ĐĐNN cho SVSP

Là khâu đầu tiên của quy trình quản lý đóng vai trò là đại diện vạch ra con đường và hoạch định chương trình thực hiện. Là đưa mọi hoạt động tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên vào kế hoạch với mục tiêu, biện pháp rõ ràng, có bước đi cụ thể với các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Cụ thể là: Người lãnh đạo cần xác định rõ mục đích cần đạt tới, lựa chọn các biện pháp, lập chương trình hành động, thông qua tập thể sư phạm và triển khai thực hiện theo chương trình kế hoạch đã xây dựng.

Kết quả của khâu kế hoạch hóa quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV phải đạt được sự thống nhất cao trong trường CĐSP về bản kế hoạch năm học công tác giáo dục ĐĐNN cho SV, đó chính là toàn bộ nội dung cơ bản của quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV. Lãnh đạo nhà trường phải có tầm nhìn và vạch kế hoạch giáo dục ĐĐNN cho SVSP qua 3 năm ở trường; rồi kế hoạch từng năm; kế hoạch từng học kỳ; trong kế hoạch đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương thức, điều kiện giáo dục ĐĐNN cho SVSP.

3. Tổ chức việc giáo dục ĐĐNN cho SVSP

Nội dung của việc tổ chức hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SVSP bao gồm các công việc: Xây dựng biên chế, sắp xếp nhân sự và liên kết các bộ phận trong bộ máy giáo dục. Là giai đoạn hiện thực hóa những ý tưởng đã được kế hoạch hóa; là sự phân công sắp xếp con người và công việc một cách khoa học, hợp lý; là sự phối hợp các tác động bộ phận để tạo ra tác động tích hợp đạt hiệu qủa cao. Ở giai đoạn này phải thực hiện các hoạt động: người quản lý phải xây dựng mô hình, cơ chế, quy định trách nhiệm, phối hợp...thông báo kế hoạch, chương trình

- Trước hết xây dựng được tiêu chí đánh giá. Tiêu chí được xây dựng trên cơ sở mục tiêu của giáo dục ĐĐNN, từ thực trạng thực có của nhà trường, đồng thời nó phù hợp với quy luật khách quan của xã hội.(Các tiêu chí đã nêu trên)

- Xác định được cách kiểm tra.

- Tổng kết đánh giá xếp loại từ đó khen, chê kịp thời đồng thời có những quyết định điều chỉnh những sai sót phát huy những tích cực nhằm thực hiện tốt những mục tiêu giáo dục ĐĐNN của nhà trường đề ra.

Từ những cơ sở lý luận về chức năng quản lý giáo dục và phân tích các yếu tố các yếu tố tác động liên quan đến chu trình hoạt động quản lý giáo dục ĐĐNN, tác giả đề xuất sơ đồ sau:

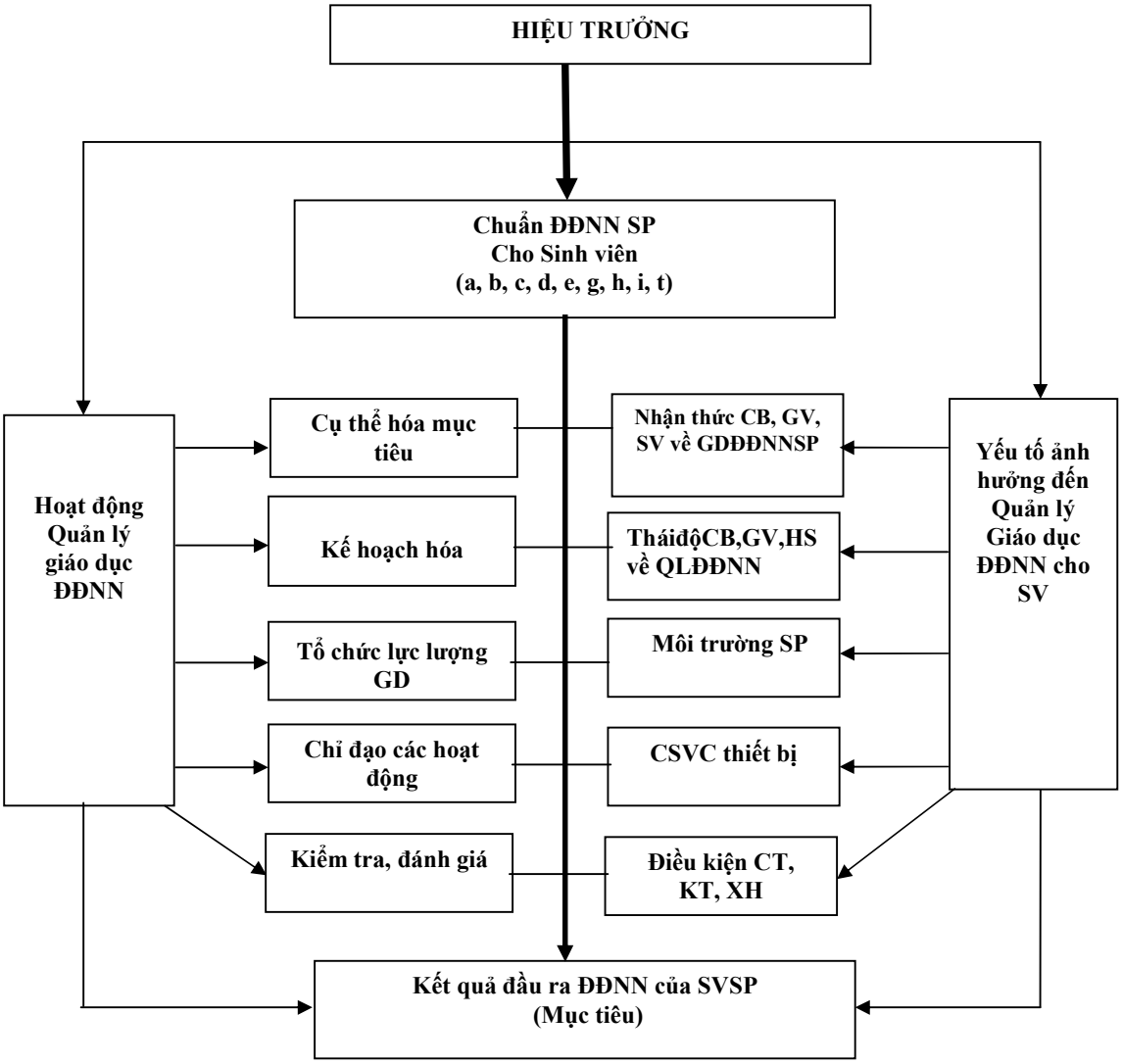

(Sơ đồ quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP)

ĐĐNN cho SVSP. Nếu nhà trường "xanh, sạch, đẹp" " trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò" (Phạm Văn Đồng) thì bản thân không gian văn hóa nhà trường cũng đã ảnh hưởng tích cực đến ĐĐNN của SVSP. Ngược lại, môi trường nhà trường ô nhiễm, lộn xộn, quan hệ giáo viên-cán bộ, thầy-trò thiếu lành mạnh thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực lớn đến quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP.

Do đó, người hiệu trưởng phải luôn quan tâm xây dựng môi trường lành mạnh trong nhà trường để ảnh hưởng tích cực đến mọi mặt giáo dục trong đó có quản lý giáo dục ĐĐNN.

1.3.3.4. Cơ sở vật chất thiết bị

Xã hội càng văn minh, hiện đại thì CSVC thiết bị cho mọi hoạt động của con người càng cần thiết. Ngày nay quan niệm "dạy chay" "Giáo dục lý thuyết suông" không thể chấp nhận được. Mọi hoạt động giáo dục đều cần có CSVC thiết bị tương ứng hỗ trợ thích ứng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật đem lại tiện ích cho đời sống con người.

- Hoạt động giáo dục ĐĐNN sư phạm rất phong phú từ các hình thức hoạt động văn nghệ, thể thao, dã ngoại đến Xemina, sinh hoạt tập thể, thực hành, TTSP…tất cả đều cần có CSVC phù hợp.

- Các CSVC thiết bị, phương tiện đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp cho các hoạt động sẽ là điều kiện thuận lợi, ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động và đem lại kết quả giáo dục ĐĐNN cho SVSP một cách tích cực. Ngược lại, hoạt động mà thiếu phương tiện hoặc phương tiện chất lượng kém sẽ khiến SV chẳng hào hứng tham gia hoạt động và chắc chắn là trở ngại lớn đến quá trình giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Do vậy, nhà quản lý phải coi trang bị CSVC thiết bị phù hợp cho các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SVSP là một yếu tố không thể thiếu.

1.3.4.5. Điều kiện chính trị- kinh tế- xã hội địa phương

Đây cũng có thể coi là môi trường xã hội của nhà trường. Nhà trường là một hệ thống con nằm trong hệ thống mẹ là hệ thống xã hội, trong đó điều kiện kinh tế - chính trị- xã hội địa phương có ảnh hưởng trực tiếp đến nhà trường.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Kết quả nghiên cứu lý luận đã xác định được:

Đạo đức nghề nghiệp là hệ thống các chuẩn mực đạo đức phản ánh những yêu cầu đòi hỏi của xã hội, của bản thân nghề nghiệp đối với người làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp đó; là yếu tố cơ bản giúp họ có nhận thức, thái độ, hành vi đúng đắn trong nghề nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Đạo đức nghề nghiệp sư phạm là hệ thống các chuẩn mực đạo đức phản ánh những yêu cầu đòi hỏi của xã hội, của bản thân nghề nghiệp đó đối với người lao động sư phạm; là một yếu tố cơ bản giúp họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. ĐĐNN sư phạm luôn thể hiện ra ở nhận thức, thái độ, hành vi của người hành nghề và ở kết quả lao động sư phạm của người giáo viên.

Đạo đức nghề nghiệp của SVSP được hình thành thông qua hoạt động dạy học các môn học chính khóa ; thông qua các hoạt động ngoại khóa; thông qua tập thể lớp học và thông qua sự tự rèn luyện của SV, trong đó giáo dục nhà trường giữ vai trò quan trọng và quyết định đến kết quả hình thành các phẩm chất ĐĐNN của SVSP.

Giáo dục ĐĐNN trong nhà trường muốn kết quả phụ thuộc quyết định vào quản lý giáo dục ĐĐNN. Quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý bằng các biện pháp nhằm đưa hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SVSP đạt tới kết quả mong muốn. Từ đó đã xác định được những hoạt động quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP và các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP

Trường CĐSP Tây Ninh được thành lập năm 1988 với 126 cán bộ, viên chức, trong đó có 74 giảng viên.

Trường CĐSP Bình Phước được thành lập năm 2003 gồm 94 cán bộ, viên chức, trong đó có 60 giảng viên.

Trường CĐSP Bà Rịa – Vũng Tàu được thành lập năm 2000 gồm 151 cán bộ, viên chức, trong đó có 102 giảng viên.

Đội ngũ các trường CĐSP phát triển tương đối nhanh trong các năm gần đây, đặc biệt là đội ngũ có trình độ sau đại học. Trong vòng 3 năm, tỷ lệ giảng viên trình độ trên đại học tăng từ 31.8% lên 56.2%. Đối với các trường CĐSP, nhờ sự cố gắng và quan tâm đúng mức, chỉ trong 3 năm từ 2009 đến 2012, đội ngũ giảng viên các trường đã được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Số giảng viên có trình độ trên đại học tăng nhanh. Tất cả các trường đều có tỷ lệ cao hơn bình quân cả nước. Mặc dù tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học cao hơn cả nước nhưng số tiến sĩ còn ít và không cân đối về chuyên ngành.

Như vậy, từ 6 trường CĐSP địa phương đào tạo giáo viên THCS (trước năm 2007) đến nay vùng Đông Nam Bộ đã có 6 cơ sở đào tạo giáo viên THCS bao gồm 3 trường ĐH (đa ngành) có các khoa đào tạo giáo viên và 3 trường CĐSP (đào tạo cả các ngành ngoài sư phạm). Sự phát triển hệ thống cơ sở đào tạo giáo viên như hiện nay là phù hợp với quy hoạch và phản ánh sự năng động của các cơ sở giáo dục đại học nhằm tận dụng khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu nhân lực của các ngành nghề khác nhau trong xã hội, trong đó có đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu của phát triển giáo dục.

Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo giáo viên được quy hoạch theo hướng phát triển thành trường cao đẳng, đại học đa ngành; trong đó ngành sư phạm chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60%. Bản thân các trường sư phạm vì áp lực nhu cầu xã hội và các lý do khác đã chủ động thỏa thuận "chuyển hướng", làm "yếu hóa" vị trí, vai trò của trường sư phạm, ngành sư phạm.

Tình hình ĐĐNN của SVSP ở các trường sư phạm khu vực miền Đông Nam Bộ có thể khái quát là: Đa số sinh viên các trường CĐSP đã đánh giá cao về

không nhận được việc làm do nhu cầu giáo viên ngày càng giảm, (tỉ lệ trên 30%) đã không thụ động chờ đợi mà tích cực tìm kiếm cơ hội việc làm dù công việc không phù hợp với chuyên môn đào tạo, một số SV có khả năng thích ứng nhanh và phát huy được tính sáng tạo của mình trong cuộc sống, học tập, lao động.

- SV của trường có phẩm chất chính trị vững vàng, có lối sống lành mạnh, 90% SV có ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức, 94% SV có ý thức bảo vệ tài sản của nhà trường, hầu hết chăm chỉ trong học tập và luôn tiết kiệm thời gian, tiền bạc của mình trong cuộc sống.

2.2. Tổ chức điều tra khảo sát thực trạng đạo đức nghề nghiệp của SVSP và quản lý giáo dục ĐĐNN của sinh viên sư phạm các trường CĐSP miền Đông Nam Bộ

2.2.1. Mục tiêu khảo sát

- Mục tiêu khảo sát nhằm đánh giá thực trạng về quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP trong các trường CĐSP miền Đông Nam Bộ.

- Giúp xác định cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP.

2.2.2. Nội dung khảo sát

- Thực trạng ĐĐNN của SVSP hiện nay

- Thực trạng quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP hiện nay

- Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP

2.2.3. Đối tượng khảo sát

- Nhằm đáng giá thực trạng đã nêu ở phần trên, chúng tôi tiến hành khảo sát tại các trường: CĐSP Bà rịa- Vũng tàu; CĐSP Tây Ninh; CĐSP Bình Phước. Gồm: Sinh viên năm thứ 2: 320; Giảng viên: 90; Cán bộ Đoàn: 30; Lãnh đạo nhà trường: 10; Các lực lượng xã hội: 20.

2.2.4. Phương pháp khảo sát

- Dùng phương pháp điều tra khảo sát bằng bộ câu hỏi nhằm có cơ sở để định lượng. Dùng phương pháp phỏng vấn, tọa đàm, quan sát, tham dự các hoạt động và nghiên cứu các sản phẩm nhằm có cơ sở định lượng và định tính các thực trạng.

15	Thái độ lịch sự	42,9	51	55	49	2,1	0	0	0
16	Tinh thần phê bình	21	36,5	36	58,5	43	5	0	0
17	Lòng tự trọng	22	46,3	38	48,8	40	5	0	0
18	Trg thànhvới tổquốc	21,3	27	54,6	23	24,1	50	0	0
19	Ýthứctráchnhiệm	62,0	69	36,7	31,5	1,3	0	0	0
20	Tự giác thực hiện nội quy	39,6	45	58,3	47	2,1	8	0	0
21	Tình yêu trong sáng	36	51	20	42	43,2	7	0,8	0

Từ những số liệu thống kê trên có một số nhận xét sau: Nhóm phẩm chất được đánh giá rất quan trọng là các phẩm chất thể hiện đạo lý làm người, tôn trọng quan hệ con người với con người, phẩm chất cá nhân:

- Kính trọng biết ơn thầy cô giáo: 67,9- 68%
- Tôn trọng lẽ phải: 62- 68,5%
- Chăm chỉ cần cù: 58,8- 63%
- Siêng năng sáng tạo: 56,2- 61,3%

Ý thức về tình yêu nghề nghiệp trong sinh viên (26-34,2%) cho thấy sự chưa xác định rõ ràng đúng đắn về lương tâm đạo đức nghề nghiệp. Ở đây phản ánh sự thiếu định hướng giá trị về đạo đức nghề nghiệp để sinh viên có suy nghĩ, nhận thức về lương tâm nghề nghiệp của người thầy giáo tương lai.

Một số chuẩn mực chưa được sinh viên ý thức đúng đắn và phần nào đang bị xem nhẹ là những giá trị liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ công dân đối với nhiệm vụ xây dựng đất nước và các giá trị trong tình yêu:

- Khắc phục khó khăn trong học tập: (50- 64%)
- Tình yêu trong sáng: (36- 51%)

Ngày nay, sinh viên có thái độ xem nhẹ các chuẩn mực thuộc về ý thức tư tưởng chính trị; ý thức công dân đối với quê hương, đất nước:

- Ý thức tự hào dân tộc : (26- 62,9%)
- Lòng trung thành với tổ quốc XHCN: (21,3- 27%)
- Ý thức tự giác chấp hành kỷ luật: (21- 47%)

- Có phẩm chất đạo đức tốt: *84,2- 89% (xếp hạng 1)*

- Có kiến thức chuyên môn vững vàng: *81,3%- 86 (xếp hạng 2)*

- Có lòng yêu nghề, yêu trẻ: *73,3 – 81% (xếp hạng 3)*

Kết quả này khẳng định rằng phẩm chất đạo đức tốt và trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và yêu nghề, yêu trẻ là những phẩm chất *cốt lõi* nhất đối với người thầy giáo. Đây là những phẩm chất cơ bản nhất của ĐĐNN đòi hỏi sinh viên CĐSP phải không ngừng rèn luyện để làm tốt sứ mệnh của nhà giáo-người giáo dục, hình thành, phát triển nhân cách của thế hệ trẻ có đức, có tài, đảm đương nhiệm vụ xây dựng và bảo về Tổ quốc, đáp ứng những mong đợi của xã hội ngày nay. Đây cũng là những phẩm chất mang tính đặc trưng của ĐĐNN mà nếu thiếu nó thì không thể làm tốt được nghề sư phạm.

- Tôn trọng nhân cách học sinh: 58,3% - 75% (hạng 4);

- Có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng: 57,1 % - 80% (hạng 5);

Cũng là những phẩm chất quan trọng, như là điều kiện, như là biểu hiện của ba phẩm chất cốt lõi trên và được đánh giá khá cao.

Nghề sư phạm đang đứng trước những thách thức to lớn: xã hội đang biến chuyển nhanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, khoa học công nghệ phát triển siêu tốc, nhất là công nghệ thông tin đã tác động mạnh đến thế hệ trẻ đang phát triển về tâm lý, xã hội. Người thầy giáo muốn hoàn thành sứ mệnh trong bối cảnh như thế phải không ngừng tự học để bắt kịp sự phát triển chung và sự phát triển của học sinh, để tôn trọng các em, hiểu các em, "*làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em*" (Hồ Chí Minh).

Trong xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy "lấy học sinh làm trung tâm" thì phẩm chất "Tôn trọng nhân cách học sinh" càng trở nên cấp thiết. Coi học sinh là trung tâm, nghĩa là người giáo viên phải tôn trọng học sinh với tư cách là chủ thể của hoạt động học tập; hướng dẫn để học sinh làm việc cá nhân và nhóm để tự lĩnh hội, tự phát triển nhân cách của mình...

Bảng 2.1.3: Thực trạng thái độ của sinh viên

TT	Các quan niệm	Thái độ			
		Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Rất yêu nghề	15,5	64,3	3,5	16,7
2	Yêu nghề	13,5	60	9,5	17
3	Không yêu nghề	4,6	30,4	40	25
4	Không ý kiến	7,5	12,6	36,7	43,2
5	Đạo đức con người là sự tự do quyết định của mỗi người	21,1	34,2	37,1	6,7
6	Lễ phép với Thầy cô	32,5	20	39	8,3
7	Tuyệt đối tin ở công lý	17,5	55	22,9	4,2
8	Tiền là tiên là phật	8	19,5	57	15,6
9	Hysinhcốnghiến vì sự nghiệp	9,2	30,8	48,3	11,7
10	Đấu tranh, tránh đâu	9,2	30,8	48,3	11,7

Nhận xét: Sinh viên yêu nghề chiếm tỉ lệ cao nhất *64,3%,* đây là một tín hiệu đáng mừng cho thấy động cơ thi vào trường ban đầu của các em phù hợp với thái độ khi lựa chọn nghề nghiệp. Điều này có tác dụng đối với công tác giáo dục tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên, giúp các em có động lực trong học tập, có tình yêu, niềm tin vào nghề nghiệp mình đã chọn. Chỉ có *3,5%* ý kiến cho rằng không yêu nghề, vì thế đặt ra cho nhà trường cần có các biện pháp giáo dục thiết thực, tích cực để công tác đào tạo đạt hiệu quả cao hơn. Chính từ lí do yêu nghề, mến trẻ sẽ là cơ sở, là điều kiện thuận lợi để các em vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vững bước vào nghề. Sinh viên vẫn giữ được sự tôn trọng đối với thầy cô, có ý thức tự trọng giữ gìn đạo đức tư cách cá nhân (21,1%) không để sự lôi cuốn, cám dỗ của mặt trái xã hội. Số liệu cho thấy dù trong môi trường học tập nhưng đã có những tác động tiêu cực về sự trung thực thật thà trong nhà trường sư phạm. Đây là một thực tế cho dù môi trường sinh viên chưa có ảnh hưởng nhiều nhưng phải cần chú ý. Những quan

	NV chính khóa								
5	Nghiện rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan	0,2	0	1,6	1.2	18	16	80,4	82,2
6	Hoạt động từ thiện	0	0	4	0	22	26	75	76
7	Sống buông thả trong tình bạn, tình yêu	0	0	3,6	2,8	24	26	72,4	74
8	Học tập mở mang kiến thức	2.7	1,2	3	1,5	24,4	24,3	70	73
9	Tự tu dưỡng ĐĐNN	54,0	58	36	38,6	3,7	0	5.9	3.3
10	Chào hỏi thầy cô trực tiếp dạy mình	2,8	3,6	5	3	21,8	19,4	70,4	74
11	Ganh đua vì lợi ích riêng	0	0	10	7	11	9,8	79	83,2

Từ số liệu trên chúng tôi rút ra nhận xét:

Những biểu hiện tốt phổ biến hiện nay của sinh viên biểu hiện không cao, thậm chí có những hành vi có tỷ lệ thấp như: Chấp hành các quy định ở ký túc xá (20,7-14%); Học tập mở mang kiến thức (24,4- 24,3%); Sống buông thả tình cảm (24-26%). Còn một bộ phận SV bộc lộ những hạn chế, yếu kém đáng lo ngại và đã xuất hiện những biểu hiện không tốt, những biểu hiện này chiếm tỷ lệ khá cao: Thờ ơ với các hoạt động từ thiện (75-76); Ganh đua vì lợi ích riêng (79-83,2); rượu chè, cờ bạc và mê tín (80,4- 82,2%). Những biểu hiện không tốt trong sinh viên hiện nay rất phức tạp, khó đánh giá. Ngoài khảo sát, chúng tôi còn tiến hành trò chuyện trực tiếp với sinh viên và các Thầy cô giáo, tuy có những nhận định khác nhau, nhưng về cơ bản đều thống nhất trong sinh viên hiện nay có những biểu hiện không tốt như: Vô lễ với Thầy cô, rượu chè, trộm cắp, gây lộn đánh nhau, mê tín... Đây là những biểu hiện không lành mạnh, đáng lo ngại của bộ phận sinh viên đang có chiều hướng gia tăng trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy rất cần sự quan tâm của nhà trường và các lực lượng giáo dục để uốn nắn kịp thời cả về nhận thức cũng như hành động, đặc biệt là sự quản lý chặt chẽ, sự giám sát và phối hợp đồng bộ của gia đình, nhà trường và của toàn xã hội.

Từ số liệu thống kê tình hình học sinh vi phạm kỷ luật những năm gần đây của 3 trường CĐSP, có thể rút ra một số nhận xét là:

- Các lỗi mà sinh viên thường vi phạm dẫn đến bị khiển trách, cảnh cáo là: Vi phạm quy chế thi rồi có hành vi vô lễ với giám thi coi thi, số còn lại không thực hiện đúng trang phục đi học, đi trễ, bỏ tiết, nghỉ học không lý do, không đeo bảng tên, xả rác bừa bãi. Nổi trội nhất là vắng học nhiều ngày không lý do, đã được nhắc nhở, giáo dục nhiều lần nhưng vẫn tái phạm.

- Năm 2010-2012 có 2 SV trường CĐSP Bình Phước bị buộc thôi học do vi phạm pháp luật nghiêm trọng bị xử lý:

+ Trường hợp thứ nhất: phạm tội hiếp dâm. (Công an bắt, xử lý pháp luật)

+ Trường hợp thứ hai: Phạm tội gây tai nạn giao thông nghiêm trọng rồi bỏ mặc nạn nhân không đưa đi cấp cứu. (Công an bắt, xử lý pháp luật)

- Những trường hợp xóa tên, thực chất là sinh viên bỏ học luôn nên nhà trường phải xóa tên. (Trường CĐSP Tây Ninh)

- Trường hợp buộc thôi học hàng năm được xử lý nhiều ở trường CĐSP Bà rịa- Vũng tàu cũng là những lỗi vi phạm pháp luật như: Sử dụng văn bằng tốt nghiệp THPT giả và nghỉ học không phép vượt mức cho phép nên nhà trường tổng hợp hình thức xử lý là: Buộc thôi học.

Dựa vào những hình thức tọa đàm nhỏ, phỏng vấn trao đổi kinh nghiệm về các mức độ vi phạm kỷ luật của sinh viên hàng năm với cán bộ quản lý nhà trường và các phòng ban liên quan nhằm tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên các trường CĐSP hiện nay, chúng tôi nhận thấy rằng sự phát triển nhanh của KT-XH, của công nghệ thông tin đem lại rất nhiều lợi ích, tích cực cho đời sống của nhân loại, tuy nhiên nó cũng có những mặt trái:

- Sự phát triển nhanh của xã hội, của mạng internet, của các loại điện thoại thông minh hiện đại, đồng thời với đó là sự ra đời của nhiều game giải trí thiếu lành mạnh và đậm màu sắc bạo lực đã làm cho nền giáo dục chưa kịp định hướng những hướng đi đúng đắn cho giới trẻ, giới trẻ thì không kịp chắt lọc

2.4. Thực trạng giáo dục ĐĐNN cho SV trường CĐSP hiện nay

2.4.1. Nhận thức về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP

Câu hỏi sử dụng để xác định mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trong các trường CĐSP hiện nay là: *"Mức độ về tầm quan trọng trong những mục tiêu nêu ra dưới đây"*. Kết quả thể hiện ở bảng 2.1.6

Bảng 2.1.6: Nhận thức về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho sinh viên

TT	Mục tiêu	Tầm quan trọng (%)					
		Thứ 1		Thứ 2		Thứ 3	
		SV	Các LLGD	SV	Các LLGD	SV	Các LLGD
1	Yêu nghề, gắn bó với nghề nghiệp	76	80,7	20	16	4	3,3
2	Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo	68,2	73,3	29	24.7	2.8	1,3
3	Tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh	78,5	74	19,5	25.3	2	0.7
4	Tinh thần ham học hỏi,cầu tiến bộ	24.6	19,3	61	64	14,4	16,7
5	Sống trung thực, lành mạnh	26	19,3	47	66,7	27	14
6	Chấphành điều lệ trường quy định	15	22,7	30	64,7	55	12,6
7	Có lòng nhân ái	71,8	60	26	38,7	2.2	1,3

Khảo sát cho thấy mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho sinh viên thể hiện: Các mục tiêu giáo dục ĐĐNN được đánh giá cao nhất là: Yêu nghề, gắn bó với nghề: *(76-80,7%);* Tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh: *(78,5-74%);* Có lòng nhân ái (*71,8- 60 %);* Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo: *(68,2-73,3%).*

Thực tế chỉ ra sinh viên sư phạm hiện nay đã thiếu định hướng về các giá trị đạo đức và đạo đức nghề nghiệp cũng như kỹ năng sống; Tham gia môi trường sư phạm; sinh hoạt tập thể ký túc xá; những mối quan hệ bạn bè, thầy cô; sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt hội thanh niên, sinh hoạt lớp…là những hoạt động mới mẻ cần có sự định hướng ngay từ đầu bước chân vào trường. Sinh

Kết quả khảo sát cho thấy về mục tiêu quan trọng nhất của sự kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội là: Trang bị cho sinh viên kiến thức khoa học công nghệ: (72,7- 79%); Qua tìm hiểu nghiên cứu và dùng các phương pháp khảo sát như trò chuyện, phỏng vấn các lực lượng tham gia quản lý và trực tiếp tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên chúng tôi nhận thấy đa số các trường cao đẳng sư phạm chưa thực sự coi trọng về tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên sư phạm. Chỉ tập trung chú ý đến việc trang bị kiến thức chuyên môn, thiên về giáo dục trí dục mà xem nhẹ giáo dục đức dục. Chương trình giáo dục về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin còn nặng về lý thuyết và mang tính hàn lâm, xa rời thực tế và chưa tạo dựng nền tảng định hướng về nhân sinh quan rõ ràng cho sinh viên. Các hoạt động tổ chức giáo dục, bồi dưỡng về tư tưởng và ĐĐNN cho sinh viên còn nặng về hình thức, theo phong trào, hời hợt và qua loa... việc kiểm tra, đánh giá ít được thực hiện nghiêm túc.

Mục tiêu quan trọng tiếp theo được đánh giá: Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện (66,7- 72%); Phát triển nghề nghiệp cho sinh viên (55- 61%); Hiểu biết và nâng cao ý thức pháp luật (41,8- 43,3%); Sinh viên tham gia đóng góp cho sự phát triển xã hội (41- 43,3%).

Các chỉ số về tỷ lệ trên cho thấy sự phối hợp các mục tiêu để giáo dục ĐĐNN cho sinh viên chưa chặt chẽ và tính bền vững chưa cao, hiệu quả đạt được còn mang tính thất thường. Thực tế cho thấy các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc và thời đại là khá mờ nhạt, còn bị thờ ơ quên lãng trong nền kinh tế thị trường. Sự nhận thức đầy đủ về bổn phận và trách nhiệm của cá nhân đối với đất nước còn lệch lạc. Việc tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên còn chung chung, trừu tượng, nhồi nhét theo cùng một khuôn mẫu và khó kiểm chứng trong thực tế.

Nhận xét: Từ kết quả thu được qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy công tác phối hợp các lực lượng để quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên thể hiện có ảnh hưởng quan trọng nhất là: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (61-46%); Giáo viên chủ nhiệm (60-53%); Chính quyền địa phương nơi trường đóng (61- 46%); Tổ dân phố nơi sinh viên trọ (61-46%); Đài phát thanh truyền hình (62,2- 52,7%). Thực tế cho thấy các lực lượng cùng phối hợp với nhà trường để tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên đều có vai trò quan trọng khác nhau. Đặc biệt và cơ bản nhất vẫn là lực lượng trực tiếp gắn bó với sinh viên như Đoàn TNCSHCM; Giáo viên chủ nhiệm lớp. Tuy nhiên còn một số lực lượng chưa xác định rõ vai trò và trách nhiệm trong việc phối hợp cùng nhà trường nên chưa chủ động tham gia, tư tưởng ỷ lại nhà trường và chờ sự chỉ đạo của chính quyền các cấp. Điều này cho thấy công tác phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng giáo dục có nơi có lúc chưa đồng bộ, thiếu tính chủ động, chặt chẻ, chưa phân định rõ các trách nhiệm để có sự chủ động quan hệ phối hợp.

Mối quan hệ giữa nhà trường với các tổ chức xã hội được thiết lập chủ yếu là một chiều. Nhà trường thường chủ động liên hệ khi có việc cần đến sự hỗ trợ của các tổ chức liên quan. Thực tế này cho thấy việc ý thức trách nhiệm phối hợp cùng nhà trường trong công tác giáo dục cho sinh viên cần phải có sự xây dựng cơ chế phối hợp mang tính pháp lý. Nếu chỉ dựa vào kêu gọi, tuyên truyền hoặc chờ đợi sự hảo tâm ban phát thì hiệu qủa cũng chỉ dừng tại chỗ như thực tế hiện nay mà thôi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở rằng: “cần phải thực hiện chặt chẽ việc giáo dục giữa nhà trường với gia đình, với xã hội, giữa nhà trường và các đoàn thể...”. Để thực hiện tốt việc này, phải có sự tổ chức công phu và cụ thể nhằm huy động sức mạnh và tiềm năng của tất cả các tổ chức, đoàn thể xã hội, các thiết chế văn hóa - giáo dục, các tổ chức sản xuất kinh doanh...cùng chung sức thống nhất mục tiêu và hành động nhằm phối hợp đồng bộ và hiệu quả theo một quá trình giáo dục hoàn chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn đặt ra.

Những mối quan hệ với GVCN (42,9- 45,7%), với lớp trưởng (34,1- 32,6%) cũng được đánh giá là cần thiết và thể hiện ở mức trung bình. Các hình thức liên hệ trao đổi khác không được đánh giá cao như: Qua thư (10,1- 9%), qua tổ dân phố (8,6- 7,6%), qua chủ nhiệm khoa (7,5- 7%). Từ cơ sở này cho thấy mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình cần thiết lập sự trao đổi xác định thông qua cầu nối cơ bản nhất. Đó là GVCN với vai trò kết nối những liên hệ cần thiết giữa gia đình và nhà trường và ngược lại để trao đối nắm bắt thông tin và phối hợp quản lý giáo dục ĐĐNN có hiệu quả nhất.

2.4.3. Đánh giá chung về mức độ sai phạm của sinh viên trường CĐSP trong quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp

Bảng 2.10 : Đánh giá chung về mức độ sai phạm của SV các trường CĐSP

TT	Các sai phạm	Mức độ		
		Nhiều	Ít	Không có
1	Tư tưởng trung bình chủ nghĩa trong học tập, rèn luyện	4,15%	81,38%	14,47 %
2	Xin điểm	0,00%	60,89%	39,11%
3	Sử dụng tài liệu trong kiểm tra, thi cử	10,05%	80,28%	9,67%
4	Trao đổi bài trong phòng thi	4,5%	65,5%	30,2%
5	Lãng phí thời gian học tập	20 %	58,2%	22,8%
6	Vi phạm quy định về thời gian học tập	6,5%	68%	25,5%
7	Gây lộn, đánh, cãi nhau với bạn bè	10%	77,5%	12,5%
8	Vay nợ , cắm quán	7%	78%	14,5%
9	Uống rượu bia sai quy định	6%	83,5%	10,5%
10	Vi phạm tác phong sư phạm	12,07	67,54	20,38
11	Nói tục, chửi thề	9,82	82,26	7,92
12	Bất nhã với giáo viên và cán bộ quản lý	0,00	70.5%	29,5%
13	Vi phạm pháp luật, hành vi bất lương	0,00	71,5	28,5%
14	Vi phạm các quy định khác	14,4%	67,5%	18,1%

Các nội dung tổ chức quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên qua kết quả khảo sát cho thấy nhà trường chưa sử dụng thường xuyên công tác kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo kiểm tra đánh giá. Chỉ *thỉnh thoảng* mới sử dụng. Kết quả này phù hợp với nhận xét qua khảo sát nhận thức về mục tiêu nêu trên.

- Kiểm tra đánh giá quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên: 75%
- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch: 71%
- Tổ chức triển khai thực hiện: 69%
- Xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục ĐĐNN: 57%

Qua thực tế khảo sát và phỏng vấn, trò chuyện với quản lý các nhà trường cho thấy nhà trường chỉ tập trung vào nhiệm vụ chính là trang bị kiến thức chuyên môn cho sinh viên, ít quan tâm đến tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên hoặc giao phó cho phòng công tác HSSV và Đoàn trường. Công tác kế hoạch hóa thường theo phong trào, ít chỉ đạo hay kiểm tra nhắc nhở. Đây là thiếu sót đã không tuân thủ chu trình quản lý trong việc tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên nên gặp những khó khăn và hạn chế trong tiến trình thực hiện. Công tác kiểm tra đánh giá sinh viên được thực hiện từng học kỳ và cuối năm học để làm cơ sở đánh giá, xếp loại, xét học bổng và bồi dưỡng phát triển Đảng. Tuy nhiên, các trường vẫn chưa xây dựng được những khung tiêu chuẩn đánh giá phù hợp nên còn nặng về tính hành chính và hình thức.

2.5.2.Thực trạng xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP

Tìm hiểu về công tác xây dựng kế hoạch giáo dục ĐĐNN cho sinh viên sư phạm, chúng tôi đặt câu hỏi: "*Việc xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV ở trường đồng chí được tiến hành như thế nào?"*. Kết quả cho thấy ở bảng 2.12

Bảng 2.13. Thực trạng về quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP

TT	Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SVSP	Đánh giá CBQL	
		Đã thực hiện	Có hiệu quả cao
1	Chỉ đạo qua giảng dạy bộ môn lý luận Mác lê nin	73,8	38
2	Chỉ đạo qua bài giảng các bộ môn	77,5	36
3	Chỉ đạo sinh hoạt lớp, Đoàn, Hội sinh viên	65	35
4	Chỉ đạo hoạt động văn nghệ, lễ hội	70,4	29,6
5	Chỉ đạo hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	47,5	22,5
6	Chỉ đạo hoạt động tự bồi dưỡng của GV	37	17
7	Chỉ đạo tham quan học tập trường bạn	71	29
8	Chỉ đạo hoạt động TTSP hàng năm	64	39
9	Chỉ đạo qua các phong trào thi đua	72	32
10	Chỉ đạo hoạt xây dựng môi trường SP thân thiện	70	30
11	Chỉ đạo hoạt động sinh viên tình nguyện	46	31
12	Chỉ đạo hoạt động TDTT, quân sự	81	19
13	Chỉ đạo hoạt động nghiên cứu KH	29	15
14	Chỉ đạo Tuần SHCD	80	40
15	Chỉ đạo hoạt động giao lưu kết nghĩa	30	15
16	Chỉ đạo các hoạt động khác	60	30

Nhận xét: Nhiều hình thức tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SV được nhà trường chỉ đạo thực hiện được đánh giá là có diện rộng nhưng tính hiệu quả chưa cao. Những hình thức được đánh giá là có hiệu quả: Thông qua tuần sinh hoạt GDCD (40%); Thông qua hoạt động TTSP hàng năm: (39%); Thông qua giảng dạy bộ môn chủ nghĩa Mác- Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh: (38%)...

- Kết hợp với Đoàn thanh niên, Hội SV tổ chức các hoạt động: Thể thao, văn hoá văn nghệ, tuyên truyền giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng và các hoạt động xã hội khác

- Theo dõi công tác phát triển Đảng cho SV

- Tổ chức phối hợp với các ngành, các cấp chính quyền địa phương và gia đình SV trong việc giáo dục đạo đức lối sống cho SV cũng như đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội

- Lập hội đồng kỷ luật đối với những SV vi phạm kỷ luật

Như vậy phòng công tác HSSV có nhiệm vụ quản lý chung và theo dõi trực tiếp đến từng SV. Sự phối hợp của phòng công tác HSSV và các lực lượng khác như các khoa chuyên môn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, giáo viên chủ nhiệm lớp… Tạo thành một bộ máy đồng bộ trong nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục nói chung và giáo dục ĐĐNN nói riêng cho SV.

Cho đến nay, nhìn chung công tác tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SV trong các nhà trường đã được tổ chức có quy mô và có cả chiều sâu, các lực lượng giáo dục tham gia một cách đồng bộ, đảm bảo tính nguyên tắc và tính mềm dẻo nhằm đạt mục tiêu giáo dục, chất lượng giáo dục cao. Song thực tế công tác quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP còn nhiều nan giải và bất cập như: Tổ chức bộ máy chưa thật chặt chẽ, việc phối hợp của bộ máy với các tổ chức xã hội khác còn lỏng, nội dung giáo dục ĐĐNN còn bất cập chưa sát với thực tế nên chưa phát huy được tính tự giáo dục của SV, việc đánh giá xếp loại chủ yếu dựa vào các hoạt động và hành vi mà chưa thật sự đi sâu vào bản chất (tính tự giác, lòng tự trọng, bao dung, lý tưởng, hoài bão…)

2.5.4. Thực trạng công tác chỉ đạo phối hợp thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP hiện nay

Câu hỏi: *"Theo đồng chí, việc chỉ đạo phối hợp giữa các lực lượng quản lý trong công tác quản lý giáo dục ĐĐNN cho HSSV trường CĐSP như thế nào?"*. Kết quả thể hiện bảng 2.14

2.5.5. Thực trạng về biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP

Tìm hiểu về biện pháp tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên sư phạm, chúng tôi đặt câu hỏi: *"Theo đ/c, nhà trường đã sử dụng các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV ở mức độ nào?"*. Kết quả cho thấy ở bảng 2.15

Bảng 2.15: Thực trạng về biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên

TT	Các biện pháp	Đánh giá CBQL (%)			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Ít sử dụng
1	Nâng cao nhận thức cho CBQL,GV và sinh viên về giáo dục ĐĐNN cho SVSP	28	52	15	5
2	Kế hoạch hóa quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP	12.1	56,7	28,7	2,5
3	Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục ĐĐNN cho SVSP	16	52	30	2
4	Xây dựng quy định về vai trò tự quản của SV	19.6	53,3	25,4	1,7
5	Cải tiến cách đánh giá về rèn luyện đạo đức cho SV	21.7	48,8	26,3	3,3
6	Tổ chức các phong trào thi đua thiết thực tạo dư luận lành mạnh	25,4	50,8	22,5	1,3
7	Xây dựng chế độ khen thưởng hợp lý, kịp thời	27,9	50,8	19,2	2,1
8	Khai thác sử dụng CSVC và tài chính để thực hiện giáo dục ĐĐNN cho SV	9	50	31	10
9	Qua những ngày lễ lớn	21.3	50	26,3	2,5
10	Qua các môn học	25,8	49,2	22,5	2,5
11	Cải tiến cách đánh giá về phẩm chất ĐĐNN cho sinh viên	21,7	48,8	26,3	3,3
12	Giáo dục bằng nêu gương	20	45,8	31,3	2,9
13	Thảo luận về ĐĐNN	11,3	44,6	38,8	5,3
14	Qua các hoạt động khác	12,9	52,9	29,6	4,6

6	Thực hiện giờ nào việc ấy	42 %	51 %	7 %
7	Thực hiện nghiêm túc giờ học trên lớp	82,5 %	16,5 %	1 %
8	Tham gia sinh hoạt đoàn thể	60 %	38,5%	1.5 %
9	Chấp hành tốt nội quy ở KTX	77,5 %	20,5 %	2 %
10	Thực hiện nội quy kí túc xá	67,5 %	29,5 %	3 %
11	Thực hiện nội qui nhà trường đề ra	89,2 %	10,8 %	0
12	Rèn luyện tay nghề thường xuyên	42,8 %	50,7%	6,5 %

Nhận xét: Mức độ rèn luyện thường xuyên chiếm tỉ lệ cao đó là: Thực hiện nội qui nhà trường đề ra (89,2%); Thực hiện nghiêm túc giờ học trên lớp (82,5%). Số sinh viên thực hiện nghiêm túc các nội dung rèn luyện đạo đức còn khiêm tốn. Hiện tượng thường xuyên tiếp khách trong giờ tự học chiếm 17,8%. Mặc dù có sự quản lí của nhà trường, ban quản lí kí túc xá, song không ít sinh viên còn thiếu ý thức trách nhiệm, trốn học, không tự giác học. Số sinh viên thực hiện giờ nào việc ấy chỉ chiếm 42%, tự học ở nhà theo qui định chiếm 52,5%. Trong việc thực hiện nội quy kí túc xá, nhiều sinh viên còn thiếu gọn gàng ngăn nắp. Chỉ có 67,5% sinh viên thường xuyên thực hiện tốt, số còn lại thực hiện chưa thường xuyên hoặc yếu. Vấn đề rèn luyện tay nghề thường xuyên chưa được coi trọng, các nội dung khác như tham gia sinh hoạt đoàn thể, tham gia các buổi ngoại khoá chưa chú trọng vì sinh viên coi đây là hoạt động không chính khoá. Từ thực trạng trên đòi hỏi nhà trường cần nâng cao hơn nữa các nội dung rèn luyện đạo đức nghề nghiệp giúp sinh viên trang bị tốt hơn những phẩm chất đạo đức mang tính nghề nghiệp để chuẩn bị hành trang đầy đủ, tự tin khi bước vào nghề.

2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên của các trường CĐSP

Để tìm hiểu nguyên nhân của những hạn chế trong công tác quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV, chúng tôi đã đặt ra câu hỏi điều tra như sau*: "Theo đồng chí những nguyên nhân nào dưới đây đã hạn chế hiệu quả của việc quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP"*. Kết quả được thể hiện qua bảng 2.18

Bảng 2.18: Nguyên nhân hạn chế hiệu quả quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP

STT	Các nguyên nhân	Số ý kiến (%)	Xếp bậc
1	Tác động tiêu cực của CT-KT-XH	64.5	9
2	Môi trường văn hoá sư phạm	87.0	3
3	Nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục ĐĐNN	87,5	1
4	Ảnh hưởng của nhận thức về vai trò giáo dục ĐĐNN	66,5	8
5	CSVC và trang thiết bị phục vụ giáo dục ĐĐNN	74,25	7
6	Vai trò chức năng các tổ chức đoàn thể trong giáo dục ĐĐNN cho SV	86.0	4
7	Một bộ phận thầy cô chưa là tấm gương tốt cho SV noi theo.	57.5	11
8	GVCN chưa phát huy hết vai trò và trách nhiệm	87.25	2
9	Chưa phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội	80.5	6
10	CSVC và các phương tiện phục vụ giáo dục ĐĐNN chưa đáp ứng	86.0	4
11	Chưa xây dựng được ý thức tự GD, tập thể SV tự quản	51,5	12
12	Đội ngũ CBQL còn thiếu và năng lực còn hạn chế	85,0	5
13	Những biến đổi tâm sinh lý lứa tuổi	61,25	10

sử truyền thống văn hoá dân tộc trong nhà trường. Đó cũng là biện pháp quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, đạo đức nghề nghiệp cho SVSP hiện nay.

- *Đội ngũ CBQL còn thiếu và hạn chế về năng lực* (85%)

2.6.2.Nhóm nguyên nhân mang tính khách quan:

- *Các điều kiện CT-KT-XH*: Sự ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới với những tác động của cơ chế thị trường cùng với những chính sách ổn định kinh tế chống lạm phát của nền kinh tế đất nước đã tác động tới việc làm và thu nhập của nhân dân và tác động toàn diện đến mọi mặt đời sống kinh tế của các địa phương (64,5%).

- Ảnh hưởng của *sự bùng nổ thông tin*, truyền thông, mạng xã hội với sự du nhập các nền văn minh lối sống Phương tây tác động mạnh đến nhận thức và hành vi của HSSV. Các ảnh hưởng của internet, sách, báo, phim ảnh không lành mạnh. Tỷ lệ 66,5% ý kiến cho rằng yếu tố này có ảnh hưởng đến đạo đức sinh viên là có cơ sở. Trong tình hình phát triển mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông không dây, kỹ thuật số… nhu cầu trao đổi về các vấn đề trên trang mạng xã hội, facebook các cá nhân hay nhóm đã như làn sóng thay đổi thói quen và cách sống, lối suy nghĩ và hành động của giới trẻ. Đây cũng là một hiểm họa một khi không làm chủ được ý thức bản thân và không kiểm soát được những ảo tưởng, lệch lạc và di chứng của internet để lại.

- *CSVC và các phương tiện phục vụ*: Bất kỳ hoạt động nào cũng cần điều kiện CSVC đáp ứng các yêu cầu cần thiết đặt ra, đó là những yếu tố không thể thiếu phục vụ cho các hoạt động phong trào của nhà trường. CSVC còn thiếu (86%; xếp thứ 4) là tác nhân không nhỏ gây ra những hạn chế cho việc quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Cơ sở vật chất nhà trường hiện tại chưa tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục đạo đức NN cho SV. Do đó, muốn nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức NN cho SVSP, đòi hỏi các cấp lãnh đạo địa phương và lãnh đạo nhà trường cần quan tâm hơn nữa tới công tác xây dựng cơ sở vật chất. Nhà trường phải là môi trường thuận lợi để giáo dục đạo đức NN cho SVSP. Tạo điều kiện để sinh viên có không gian thuận lợi trong các sinh hoạt

song còn mờ nhạt. Việc xây dựng và triển khai kế hoạch, hoạt động giáo dục ĐĐNN sư phạm còn mang tính thụ động, chỉ khi nào cấp trên phát động phong trào thì thực hiện tốt, thực tế trong những thời gian nhất định nhà trường chưa thật sự chủ động đề ra các chương trình, kế hoạch để tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP một cách thường xuyên, liên tục và rộng khắp.

Mặt khác, nhà trường đang còn thiên về đào tạo chuyên môn, nghề nghiệp cho sinh viên xem nhẹ công tác giáo dục ý thức đạo đức và ĐĐNN; chưa thực hiểu rõ về đặc điểm tâm sinh lý của đối tượng giáo dục. Một điều hạn chế nữa đó là việc quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên trong việc lồng ghép kiến thức giáo dục đạo đức ĐĐNN cho SVSP còn nhiều hạn chế; việc phối kết hợp với các lực lượng trong nhà trường chưa thật sự đồng bộ và kết quả giáo dục chưa cao. Môi trường sư phạm nhà trường còn chưa đáp ứng yêu cầu. Điều kiện CSVC và tài chính còn hạn chế nhiều mặt. Sự phối hợp kết hợp 3 môi trường giữa gia đình, nhà trường và xã hội chưa được thực hiện tốt, ngoài ra kết quả tự giáo dục của SV cũng còn hạn chế. Cùng với cơ sở lý luận được xác định những nguyên nhân của các mặt hạn chế trên đây chính là cơ sở để đề ra các biện pháp cải thiện tình hình ở chương 3.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Kết quả nghiên cứu ĐĐNN của sinh viên hiện nay cho thấy nhận thức tương đối rõ các phẩm chất được đánh giá rất quan trọng là các phẩm chất thể hiện đạo lý làm người, tôn trọng quan hệ con người với con người; những phẩm chất cá nhân. Về thái độ, cho thấy quan niệm của sinh viên vẫn giữ được sự tôn trọng đối với thầy cô, có ý thức tự trọng giữ gìn tư cách cá nhân.Về hành vi, biểu hiện tốt tập trung các mặt như tích cực tham gia các phong trào văn nghệ, TDTT; chăm chỉ học tập; quan tâm đến mọi người… Một số vấn đề khác về ĐĐNN của sinh viên còn nhận thức mơ hồ, thái độ thờ ơ và hành vi chưa tốt: Tự hào về quê hương đất nước, lý tưởng cống hiến cho sự nghiệp giáo dục, ý thức tổ chức kỷ luật…

Chương 3
CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VÀ KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

3.1. Các nguyên tắc xây dựng biện pháp quản lý GD ĐĐNN cho SVSP tại các trường CĐSP miền Đông Nam Bộ

3.1.1. Đảm bảo tính hệ thống. Hệ thống là một quan điểm tiếp cận khoa học. Có nghĩa là các biện pháp được xây dựng là một hệ thống đồng bộ, gắn kết hài hòa với nhau...Hệ thống từ xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá... Phối hợp đồng bộ các lực lượng giáo dục...

3.1.2. Đảm bảo tính thực tiễn. Thực tiễn là một quan điếp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học. Thực tiễn ở đây là các biện pháp không mang tính phi thực tế, mà phải sát hợp với điều kiện hoàn cảnh các trường CĐSP miền Đông Nam bộ, sát với tâm lý SV, hoàn cảnh cán bộ GV và môi trường địa phương...

Bậc đại học, cao đẳng nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, là nơi trực tiếp cung cấp nguồn lực người cho xã hội. Trong giai đoạn hiện nay mục tiêu của bậc học này được quy định trong Luật giáo dục là: " Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". [62, tr25] Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng CSVN đã chỉ rõ phải: "Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm". Nằm trong hệ thống giáo dục phổ thông, nhà trường phổ thông có những đặc thù riêng của mình đòi hỏi đội ngũ giáo viên phổ thông phải đạt được những chuẩn mực nhất định. Mục tiêu đào tạo của trường CĐSP nhằm đào tạo và bồi dưỡng những giáo viên có trình độ cao đẳng, giác ngộ XHCN, tuyệt đối trung thành với tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, có lí tưởng nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức vững chắc đảm bảo sẵn sàng làm tốt nhiệm vụ đào tạo và giáo dục học sinh trong nhà trường tiểu học và THCS.

tiêu giáo dục chính trị tư tưởng nói chung và việc quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trong các trường CĐSP nói riêng. Từ đó, họ suy nghĩ và định hướng đồng thuận tạo điều kiện cho việc quản lý giáo dục ĐĐNN trong nhà trường đi vào nề nếp, đạt kết quả tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Đối với cán bộ giảng dạy nâng cao nhận thức về tính gương mẫu đạo đức và tác phong sư phạm của người giáo viên, lý tưởng nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ. Nâng cao ý thức trách nhiệm trong quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP qua các bài giảng và giờ lên lớp góp phần cùng nhà trường quản lý tốt hơn các hoạt động của SV trong và ngoài giờ học.

- Cán bộ Đoàn, Hội sinh viên yêu cầu trong khi tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước cần có định hướng cho hoạt động của đoàn viên và hội viên hướng vào vấn đề nhân cách, đạo đức NNSP.

- Đối với các LLXH nhà quản lý cần khéo kết hợp để có kế hoạch cụ thể phối hợp hành động với nhà trường theo chức năng nhiệm vụ của mình.

- Đối với SV có chương trình kế hoạch để nâng cao ý thức trách nhiệm của mình trong việc học tập và các hoạt động tập thể góp phần cùng nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo; có các hình thức tác động đến tập thể và cá nhân để nâng cao tinh thần trách nhiệm tu dưỡng rèn luyện đạo đức, tác phong, rèn luyện lý tưởng nghề nghiệp và chuyên môn nghiệp vụ.

c. Tổ chức thực hiện:

- Chủ thể có trách nhiệm chính để tổ chức thực hiện việc nâng cao nhận thức cho giáo viên và sinh viên là lãnh đạo nhà trường: Đảng ủy và Ban giám hiệu.

- Tổ chức hội thảo về GDĐĐ, quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV, phân công cụ thể từng bộ phận có liên quan có tham luận nhằm yêu cầu họ tìm hiểu sâu hơn về lĩnh vực này;

- Mời một số nhà giáo có uy tín (Cả nghỉ hưu và đang làm việc; cả già và trẻ) tham luận về ĐĐNN rồi cho sinh viên mạn đàm, viết thu hoạch về ĐĐNN.

- Vận động thông qua các phong trào thi đua: "Dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm", "Mùa thi nghiêm túc", "Mùa hè xanh", "Đền ơn đáp

- Tổ chức giao ban giữa nhà trường và các LLXH tham gia vào quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên để nắm bắt tình hình về quản lý, sự phối hợp, điều hành công việc... từ đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên;

- Tổ chức các Hội thi "Nghiệp vụ sư phạm", "Sinh viên giỏi" nhằm hình thành dần những kỹ năng, kỹ xảo về NVSP cho SV. Rèn luyện NVSP cho SV phải được xem như một hoạt động cơ bản trong quá trình đào tạo và là một hoạt động đặc trưng của nhà trường SP, có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành các phẩm chất ĐĐNN và năng lực nghề nghiệp của người giáo viên tương lai;

- Tổ chức định kỳ cho các bộ phận quản lý đối thoại với SV, nghe SV phản ánh để hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, từ đó có sự điều chỉnh trong cả nhận thức và hành động cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

d. Điều kiện thực hiện:

- Chủ thể quản lý (Hiệu trưởng) : Lên kế hoạch, thống nhất chương trình hành động.

- Tổ chức nguồn nhân lực thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể.

- Tạo các điều kiện tài chính, vật chất, phương tiện phù hợp.

e. Kết quả cần đạt được:

Nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về ĐĐNN sư phạm và nhận thức sâu sắc về trách nhiệm đối với việc quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV, thể hiện bằng các chủ trương biện pháp và việc làm cụ thể thiết thực. Thấy rõ sức mạnh tổng hợp của tập thể sư phạm, tập thể sinh viên và và các lực lượng xã hội cùng tham gia vào quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP.

3.2.2. Biện pháp 2: Kế hoạch hóa nội dung giáo dục ĐĐNN đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu và không làm quá tải nội dung chung

a. Mục tiêu:

Xây dựng kế hoạch giai đoạn (3 năm), kế hoạch cụ thể từng năm học, từng học kỳ của toàn trường. Kế hoạch đạt yêu cầu hợp lý và khả thi cho các phòng

- Xây dựng kế hoạch sát thực và có tính khả thi thì nhà trường thành lập bộ phận riêng phục vụ cho công tác này. Kế hoạch vừa có tính định hướng chung cho hoạt động toàn trường trong dài hạn (3 năm cho 1 khóa), vừa có tính cụ thể cho các bộ phận phối hợp thực hiện trong từng giai đoạn : kế hoạch tháng, kế hoạch học kỳ từng năm học.

- Tập thể lớp, chi đoàn trên cơ sở kế hoạch và nhiệm vụ được giao tổ chức thảo luận tìm biện pháp thực hiện có hiệu quả mục tiêu đề ra.

- Kế hoạch được cụ thể hóa cho từng tháng, từng học kỳ, từng đợt thi đua xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SV , theo dõi và đánh giá sự chuyển biến về nhận thức, thái độ, hành vi cụ thể để điều chỉnh kế hoạch hóa việc tổ chức quản lý cho phù hợp.

d. Điều kiện thực hiện:

+ Từ kế hoạch chung, cụ thể hóa thành thành các kế hoạch cụ thể (ma trận) các nhiệm vụ và lực lượng tham gia liên quan.

+ Các đơn vị, bộ phận xác định rõ chức năng được giao đảm bảo sự thống nhất phối hợp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch theo đúng trình tự hợp lý và tránh chồng chéo.

e. Kết quả cần đạt được:

- Xây dựng được kế hoạch chung và kế hoạch cụ thể, đảm bảo tính khả thi và hợp lý, có sự tham gia xây dựng của các tập thể và lực lượng xã hội. Kế hoạch được thông suốt nhất quán từ Đảng ủy, Ban giám hiệu và các đơn vị phòng ban, khoa tổ thực hiện.

3.2.3. Biện pháp 3: Phân định rõ vai trò trách nhiệm và quyền hạn của giáo viên chủ nghiệm trong quản lý giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

a. Mục tiêu:

Giáo viên chủ nhiệm lĩnh hội và truyền đạt đầy đủ những nghị quyết và tư tưởng chỉ đạo của nhà trường tới sinh viên lớp mình chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm là nhà quản lí, nhà sư phạm thay mặt hiệu trưởng truyền đạt những yêu cầu đối với học sinh bằng một phương pháp thuyết phục, thái độ nghiêm túc để mỗi sinh viên và tập thể ý thức được một cách đầy đủ trách nhiệm phải tuân thủ, tự

d. Kết quả đạt được:

- Vai trò của GVCN được xác định là cầu nối giữa các LLGD với SVSP thực hiện việc quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV.

- Xây dựng được tập thể lớp là tập thể mang đậm nét sư phạm với những đặc trưng riêng về nghề sư phạm.

3.2.4. Biện pháp 4: Tăng cường chỉ đạo triển khai kế hoạch giáo dục đạo đức nghề nghiệp theo hướng tích hợp và lồng ghép trong hoạt động dạy học chính khóa và hoạt động ngoại khóa.

a. Mục tiêu:

Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), đã vạch rõ nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Riêng đối với học sinh, sinh viên, Nghị quyết khẳng định: "Đi đôi với truyền thụ kiến thức, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao năng lực tư duy sáng tạo, cần đặc biệt quan tâm bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cho học sinh, sinh viên". [108]

- Thực chất giáo dục ĐĐNN cho SVSP không được sắp xếp thành một môn học chính khóa ở trường CĐSP, nó được lồng ghép và tích hợp thông qua nhiều hoạt động khác nhau, mà trong đó giảng dạy các môn học là một hoạt động cơ bản. Hệ thống môn học ở nhà trường được chia thành một số bộ phận như: Những môn học giáo dục đại cương bắt buộc, những môn học chuyên ngành, những môn học nghiệp vụ, lý luận giảng dạy các bộ môn. Việc giảng dạy các môn học này có ý nghĩa khác nhau trong việc hình thành các phẩm chất ĐĐNN cho SVSP. Điều quan trọng giáo viên cần ý thức đúng đắn tính chất tích hợp chứa đựng trong mỗi môn học và có ý thức tự giáo dục, hình thành cho các SVSP những phẩm chất ĐĐNN cần có của một người giáo viên trong tương lai.

- Việc lồng ghép các nội dung liên quan đến ĐĐNN nghề dạy học nhằm làm cho nội dung các môn học thêm phong phú, không xa rời thực tiễn sinh động. Bản thân mục tiêu mỗi môn học, bài học bao giờ cũng quán triệt những yêu cầu cần đạt về kiến thức- thái độ và kỹ năng. Thái độ hay giá trị, ý nghĩa của môn học đó được không thể tách rời ĐĐNN sư phạm. Nhà quản lý có nhiệm vụ làm cho mỗi giáo viên ý thức rõ về yêu cầu này.

c. Tổ chức thực hiện:

- Dưới sự chỉ đạo cũa Hiệu trưởng, chủ thể có trách nhiệm chính để triển khai kế hoạch giáo dục đạo đức nghề nghiệp theo hướng tích hợp và lồng ghép trong hoạt động dạy học chính khóa và hoạt động ngoại khóa là lãnh đạo khoa.

- Hiện nay, các giáo viên thường chỉ coi trọng mặt kiến thức trong bài giảng, chưa chú ý lồng ghép giáo dục ĐĐNN vào bài học cho sinh viên. Thực tế, nội dung giáo dục đạo đức lồng ghép trong giảng dạy chuyên môn nhiều giáo viên còn gặp khó khăn lúng túng. Vì vậy nội dung, phương pháp lồng ghép giáo dục ĐĐNN cho SVSP phải được hướng dẫn cụ thể trong việc kết hợp giáo dục đạo đức vào bài giảng. Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên phải được thống nhất đồng bộ trong tất cả các môn học ở trường sư phạm, phải làm cho tất cả các giáo viên nhận thức một cách đúng đắn, đặc biệt phải tận dụng khả năng đặc thù của các môn học. Các môn nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin, môn tâm lí học, phương pháp giảng dạy bộ môn…sẽ giúp tìm ra nét đặc trưng riêng mỗi môn khi tích hợp giáo dục ĐĐNN sư phạm. Về phương pháp sự tích hợp giáo dục đạo đức trong bài giảng phải hài hoà, tế nhị tránh sự gò bó, rập khuôn máy móc, hình thức dễ dẫn đến nhàm chán không mang lại hiệu quả giáo dục.

- Tổ chức hội nghị giáo viên để trao đổi kinh nghiệm lồng ghép giáo dục ĐĐNN cho SVSP qua giảng dạy các môn học. Các báo cáo chuyên đề của giáo viên giảng dạy.

- Chỉ đạo các khoa, tổ chuyên môn xây dựng nội dung kết hợp giáo dục ĐĐNN phù hợp với môn học, tích hợp việc giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị thành một tiêu chí đánh giá xếp loại giờ giảng của giáo viên các môn học. Hiện nay trong nội dung đánh giá bài giảng, tiêu chí tích hợp giáo dục ĐĐNN sư phạm nhà trường đang áp dụng chưa thể hiện cụ thể rõ ràng.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa thông qua các phong trào thi đua có sự gắn kết với các nội dung giáo dục ĐĐNN sẽ phát huy tác dụng thiết thực khi có sự định hướng và tạo được sự lôi cuốn hưởng ứng nhiệt tình tự giác của SV.

thành công trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ của người thầy giáo. Bởi vì năng lực sư phạm, đạo đức nghề nghiệp không phải hình thành trong một sớm một chiều mà là kết quả của sự rèn luyện thường xuyên, liên tục, kiên trì và có sự hướng dẫn, tổ chức một cách thống nhất, khoa học.

b. Nội dung hoạt động:

Trường CĐSP Bình phước thực hiện kế hoạch RLNVSP thông qua các hoạt động như:

- Hướng dẫn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở trường.

- Tổ chức cho sinh viên đi kiến, thực tập sư phạm ở trường phổ thông tạo điều kiện để sinh viên tiếp xúc với thực tiễn giáo dục phổ thông, thời gian kiến, thực tập sư phạm với năm nội dung: Tìm hiểu nhà trường THCS; Tìm hiểu hoạt động dạy và học; Làm quen với công tác chủ nhiệm; Tìm hiểu thực tế địa phương, đồng thời SV còn được giảng dạy một số tiết theo chuyên ngành đào tạo.

c. Tổ chức thực hiện:

- Chủ thể (Hiệu trưởng) có trách nhiệm chính để phân cấp quản lý và chỉ đạo các phòng đào tạo và phòng công tác sinh viên nhằm cải tiến quản lý, tổ chức công tác kiến tập, thực tập sư phạm.

* *Giai đoạn chuẩn bị*: Giai đoạn chuẩn bị cho TTSP có ý nghĩa rất quan trọng, vì đây là thời gian giáo sinh sẽ thực tập tại các cơ sở đang tiến hành công tác giáo dục và dạy học cho học sinh THCS. Để đợt TTSP được tiến hành tốt và có kết quả cao cần thực hiện các công việc sau:

- Ấn định chỉ tiêu thực tập gửi cho các cơ sở thực tập: Chỉ tiêu thực tập dựa vào: số giáo sinh của các ngành học chuẩn bị thực tập; cơ cấu giáo viên bộ môn và chương trình các môn học ở cơ sở thực tập; những yêu cầu đặc biệt mang tính thời điểm về việc lựa chọn các lớp không nên tổ chức thực tập (trường chuyên, các lớp đang thực hiện thí điểm...)

- Thành lập hệ thống tổ chức TTSP: Ban chỉ đạo các cấp (cấp sở, cấp trường sư phạm và cấp cơ sở thực tập) và phụ trách các đoàn thực tập.

*Giai đoạn sau thực tập sư phạm:

Bàn giao hồ sơ thực tập để đơn vị chuyên môn đánh gía kết quả thực tập.

- Tổng hợp toàn diện kết quả thực tập, lập hồ sơ tổng kết thực tập;

- Tổ chức tổng kết thực tập cấp trường sư phạm .

d. Kết quả cần đạt được:

Qua hoạt động RLNVSP giúp sinh viên đồng thời với hình thành kỹ năng nghề nghiệp sư phạm, sinh viên còn có được những bài học, những kinh nghiệm quí báu trong chặng đường nghề nghiệp tiếp theo của mình. Thực tế qua các đợt kiến thực tập sư phạm đã hình thành và khắc sâu những ấn tượng tốt đẹp về nhận thức, thái độ và tình cảm của SV về nghề giáo và tấm gương đạo đức nhà giáo. Gieo vào các em những cảm nhận sâu sắc và sẽ theo mãi trong những chặng đường nghề nghiệp sau này. Đây là hoạt động thường xuyên hàng năm và được đánh giá là có tác dụng mạnh trong việc giáo dục ĐĐNN cho SVSP.

3.2.6. Biện pháp 6: Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chí rèn luyện ĐĐNN của sinh viên sư phạm

a. Mục tiêu:

Hình thành nên nhận thức rõ ràng: Giáo dục ĐĐNN cho SVSP, nhà trường phải tăng cường việc giám sát, kiểm tra. Quản lý mà không kiểm tra là không quản lý. Kiểm tra để đánh giá việc chấp hành các nội quy, quy định của sinh viên trong việc rèn luyện ĐĐNN qua đó nắm rõ tình hình thực trạng quản lý từ đó đề ra những biện pháp quản lý phù hợp. Điều quan trọng cần đạt được là làm cho sinh viên hiểu sự cần thiết của các nội quy, quy chế đối với việc rèn luyện của mỗi cá nhân để từ đó họ thực hiện tự giác. Nội quy, quy chế là công cụ điều khiển sự vận hành của nhà trường, mà trước hết là cho mỗi cá nhân. Nội quy, quy chế phải được kiểm tra điều chỉnh cho sát hợp thực sự phục vụ với mục đích học tập, sinh hoạt, phát triển những phẩm chất tốt đẹp, và cũng phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu đối với CB, GV và SV.

- Cách đánh giá bằng điểm: Cho điểm theo các nội dung trên theo các tiêu chí và kết quả cụ thể đạt được, nội dung nào không đạt bị trừ điểm. *(từng phần có thể cho điểm lẻ nhưng kết quả cuối cùng cần làm tròn thành điểm số nguyên)*

c. Tổ chức thực hiện:

- Chủ thể có trách nhiệm chính để giám sát, kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chí rèn luyện ĐĐNN của sinh viên SP là phòng công tác sinh viên. Phòng công tác học sinh, sinh viên phân công cán bộ phụ trách chung và chỉ đạo GVCN lớp triển khai, phổ biến kế hoạch, nội dung đến toàn thể SV ở các lớp.

- Chi đoàn phối hợp với Ban cán sự lớp phổ biến nội dung các hoạt động , tổ chức cho đoàn viên, SV đăng ký và lập sổ theo dõi thực hiện nội dung rèn luyện "Học tập tốt, rèn luyện tốt";

- Các lớp, chi đoàn giữ lại 01 Bản đăng ký thực hiện nội dung thi đua để làm cơ sở đánh giá kết quả rèn luyện và photocopy 02 Bản đăng ký nộp về Văn phòng Đoàn trường và Phòng Công tác sinh viên;

- Cuối học kỳ, Phòng Công tác sinh viên tổ chức sơ kết đánh giá thực hiện phong trào "Học tập tốt, rèn luyện tốt";

- Đoàn viên, SV thực hiện tốt các nội dung trên, tùy theo mức độ sẽ được cộng điểm rèn luyện trong học kỳ và năm học (tối đa 15 điểm). Ngoài ra, các cá nhân đoàn viên, sinh viên, các tập thể có nhiều thành tích trong hoạt động "Học tập tốt, rèn luyện tốt" sẽ được nhà trường khen thưởng;

- Các cá nhân đoàn viên, sinh viên vi phạm những nội dung của phong trào thi đua, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo các quy chế học tập và rèn luyện. Ngoài ra, các cá nhân đoàn viên, sinh viên vi phạm những nội dung của phong trào thi đua sẽ bị trừ điểm rèn luyện trong học kỳ và năm học (tối đa 15 điểm).

- Đối với sinh viên, thực hiện theo hướng dẫn "Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên". Bám sát tình tình thực tế của nhà trường để xây dựng những nội dung rèn luyện cụ thể phù hợp để đánh giá chính xác, khách quan, đảm bảo sự dân chủ và bình đẳng đối với sinh viên.

b. Nội dung:

- Rà soát lại CSVC trang thiết bị của trường để bổ sung và khai thác đồng bộ, hiệu quả...

- Duy trì Website, điện thoại của trường để cung cấp thông tin và mối liên hệ với cha mẹ sinh viên giúp họ nắm bắt tình hình hoạt động của nhà trường và kết quả học tập rèn luyện của con em mình.

- Đảm bảo CSVC và các phương tiện phù hợp cho hoạt động giảng dạy và các hoạt động trong trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí và huy động các tổ chức xã hội hỗ trợ trong việc tổ chức công tác giáo dục ĐĐNN cho sinh viên. Khuyến khích các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội và các cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở văn hóa, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho sinh viên, theo chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước...

c. Tổ chức thực hiện:

- Chủ thể có trách nhiệm chính để tăng cường cơ sở vật chất, các nguồn lực và sử dụng hợp lý để phục vụ quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP là Hiệu trưởng và ban giám hiệu nhà trường.

- Tổ chức các cuộc hội thảo về giáo dục ĐĐNN cho SV có sự tham gia báo cáo tham luận của các LLXH như tổ dân phố, công an khu vực, đại diện phụ huynh để có sự trao đổi thông tin và phối hợp tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SV trong đó nhấn mạnh đến các điều kiện CSVC phương tiện phục vụ cho các hoạt động của SV, chứ không thể chỉ giáo dục lý thuyết suông.

- Tuyên truyền, vận động đến mọi tổ chức, cá nhân về vi trí, vai trò của hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV trong nhà trường để nâng cao trách nhiệm của gia đình, xã hội đối với việc đóng góp để xây dựng CSVC thiết bị cho các hoạt động của SV.

- Nhà trường chủ trì phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã hội vận động họ cùng đóng góp để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT cách đa dạng và bổ ích gắn với nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV.

3.3. Khảo nghiệm tính khả thi của giải pháp

3.3.1. Mục đích khảo nghiệm

Trong điều kiện nghiên cứu có hạn chúng tôi chỉ tiến hành khảo nghiệm tính đúng đắn, tính phù hợp của các biện pháp đã đề xuất ở trên.

3.3.2. Đối tượng khảo nghiệm

Khảo nghiệm qua ý kiến đánh giá của 55 chuyên gia cán bộ quản lí, cán bộ giảng dạy ở trường CĐSP Bình Phước, sở GDĐT, Cán bộ quản lý ở trường PT về hệ thống biện pháp để tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SV.

3.3.3. Hệ thống các biện pháp tổ chức giáo dục ĐĐNN được khảo nghiệm

Tiến hành khảo nghiệm:

Bảng 3.14: Kết quả khảo nghiệm biện pháp theo ý kiến đánh giá của chuyên gia.

STT	Các biện pháp	Ý kiến đánh giá							
		Rất đồng ý	%	Đồng ý	%	Phân vân	%	K đồng ý	%
1	Nâng cao nhận thức cho giáo viên và sinh viên về vị trí, tầm quan trọng của ĐĐNN	46	83,6	5	9,09	4	7,2	0	0
2	Kế hoạch hóa nội dung giáo dục ĐĐNN cho	43	78,1	9	16,4	3	5,5	0	0
3	Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của giáo viên chủ nhiệm	39	70,9	8	14,5	8	14,5	0	0
4	Chỉ đạo triển khai kế hoạ dục ĐĐNN theo hướng tích hợp và lồng ghép	42	76,4	10	18,2	3	5,4	0	0
5	Cải tiến quản lý, tổ chức công tác kiến tập, thực tập sư phạm	50	90,9	5	9,1	0	0	0	0
6	Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá	43	78,1	11	20	1	1,8	0	0
7	Tăng cường CSVC, các nguồn lực và sử dụng hợp lý	41	75,4	10	18,2	4	7,2	0	0

hiểu hơn về đặc điểm tâm lí lứa tuổi cũng như có cách ứng xử sư phạm khéo léo, nhanh nhạy trước mỗi tình huống sư phạm khác nhau. Tuy nhiên các chuyên gia cho rằng cần tăng thêm thời gian cho hoạt động thực hành nghề. Thông qua việc kiến, TTSP sẽ rèn cho sinh viên kĩ năng giao tiếp, xử lí tình huống một cách tự tin và chủ động hơn. Tiếp xúc với các đối tượng học sinh khác nhau sẽ giúp các giáo sinh có được phương pháp giảng dạy cũng như rèn luyện được các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp.

Như vậy việc tiến hành khảo nghiệm các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm đã thu được kết quả rất đáng tin cậy từ các chuyên gia. (Kết quả thể hiện qua bảng 3.14)

Qua điều tra thực trạng về đạo đức ĐĐNNcủa sinh viên trường CĐSP Bình Phước cũng như qua kết quả khảo nghiệm các biện pháp (theo ý kiến đánh giá của chuyên gia) chúng tôi thấy rằng các biện pháp trên nếu có đủ thời gian, điều kiện để thực nghiệm với sinh viên trong một khoá học, chắc chắn sẽ đem lại hiệu quả giáo dục cao hơn khi chưa có sự tác động đồng bộ của các biện pháp.

3.4. Thực nghiệm kiểm chứng tính khả thi biện pháp giáo dục ĐĐNN

3.4.1. Mục đích thực nghiệm

Nhằm kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu: Cải tiến và quản lý tốt TTSP sẽ đem lại kết quả tích cực về giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Giả thuyết này đã được xác tín qua khảo nghiệm ý kiến chuyên gia. Tuy nhiên cần được triển khai thực nghiệm trong thực tiễn sư phạm.

3.4.2. Giới hạn thực nghiệm

+ Nội dung biện pháp thực nghiệm: Biện pháp cải tiến quản lý tổ chức công tác TTSP cho SV trường CĐSP

+ Địa điểm thực nghiệm: Trường THCS trong các huyện SVSP về TTSP

+ Khách thể thực nghiệm: Sinh viên tham gia TTSP

+ Thời gian thực nghiệm: Chúng tôi tiến hành thực nghiệm trên 150 sinh viên khối K13 CĐSP của trường CĐSP Bình Phước, trong khoảng thời gian trước, trong và sau đợt TTSP năm 3 của khối K13 CĐSP.

- Các giáo viên chủ nhiệm của các lớp thuộc nhóm thực nghiệm sẽ lồng ghép một số biện pháp giáo dục ĐĐNN đã vạch ra trong các tiết sinh hoạt lớp nhằm tác động lên nhóm thực nghiệm (trong tiết sinh hoạt lớp GVCN cho thư ký ghi biên bản theo mẫu đã thiết kế. *(Phụ lục 7-11)*

- Ban chấp hành đoàn trường và các cán bộ phòng quản lý học SV tiến hành tổ chức buổi sinh hoạt với chủ đề ***"Đạo đức nghề giáo-Sinh viên sư phạm"***. *(Phụ lục 9)*

- Các khoa (tổ) chuyên môn phối hợp với nhau tổ chức đêm giao lưu với nội dung liên quan đến giáo dục đạo đức nghề sư phạm.

- Các giảng viên có kinh nghiệm thuộc bộ môn tâm lý giáo dục và bộ môn phương pháp giảng dạy lồng ghép vào tiết dạy các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

- Chúng tôi cùng với lực lượng giáo dục đã lựa chọn và bồi dưỡng tiến hành một số biện pháp giáo dục ĐĐNN (*phù hợp với giai đoạn TTSP năm 3 của sinh viên CĐSP*) tác động lên nhóm thực nghiệm. Các trưởng phó các đoàn TTSP giúp đỡ, hướng dẫn cho SV tổ chức các hoạt động nhân các ngày lễ 8/3 và 26/3 (trong buổi họp đoàn TTSP trưởng đoàn cho thư ký ghi biên bản theo mẫu đã thiết kế. *(Phụ lục 8-11)*)

Trong quá trình các lực lượng giáo dục tiến hành biện pháp giáo dục ĐĐNN thông qua TTSP tác động lên nhóm thực nghiệm thì chúng tôi luôn theo sát mọi hoạt động để hỗ trợ kịp thời khi cần thiết thông qua các biên bản báo cáo (theo mẫu) và các kế hoạch hoạt động.

c. Cách đo, đánh giá đầu vào nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

Trong bước này, chúng tôi đã soạn thảo một hệ thống các câu hỏi dựa vào các tiêu chí nhằm đánh giá đầu vào về *mặt nhận thức*, *thái độ*, *hành vi* của hai nhóm TN và ĐC và qui ra thang điểm 10. Ngoài ra, để xếp loại sinh viên trong đợt đánh giá đầu vào chúng tôi đề xuất cách xếp loại như sau: loại Tốt: 9 - 10 điểm; loại khá: 7 - 8 điểm; loại trung bình: 5 – 6 điểm; loại yếu: dưới 5 điểm. Với cách xếp loại đã đề xuất ở trên ta có kết quả sau:

Về mặt thái độ

Điểm số	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
Nhóm thực nghiệm	0	0	0	0	3	8	40	46	36	14	3	150
Nhóm đối chứng	0	0	0	0	5	13	39	45	34	19	3	158

Xếp loại	Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng	
	số lượng	%	số lượng	%
Yếu	3	2,00	5	3,16
TB	48	32,00	52	32,91
Khá	82	54,67	79	50,00
Tốt	17	11,33	22	13,93
Trung bình mẫu(Xtb)	7,05		7,01	
Phương sai mẫu	1,46		1,57	

$$u = \frac{\overline{X_1} - \overline{X_2}}{\sqrt{\frac{S_1^2}{n_1} + \frac{S_2^2}{n_2}}} \approx \frac{7,05 - 7,01}{\sqrt{\frac{1,46}{150} + \frac{1,57}{158}}} \approx 0,29 < 2,58$$

Qua kết quả cho thấy: Trung bình mẫu và phương sai mẫu của hai nhóm TN và ĐC là gần bằng nhau; đặc biệt qua phép kiểm u ta có |u| = 0,29 < 2,58. Do đó ta hoàn toàn có thể khẳng định sự khác biệt giữa hai giá trị trung bình là không có ý nghĩa với ngưỡng sai lầm $\sigma = 0,01$, tức là hai nhóm TN và ĐC không có sự khác nhau về mặt thái độ.

Về mặt hành vi

Điểm số	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
Nhóm thực nghiệm	0	0	0	0	2	14	40	48	32	11	3	150
Nhóm đối chứng	0	0	0	0	4	17	42	45	31	17	2	158

b. Các phương pháp xử lý số liệu

+ Tính điểm *trung bình mẫu* $\overline{X}$: Trung bình mẫu phản ánh số đo trung tâm, khuynh hướng tập trung của biến ngẫu nhiên.

Công thức tính trung bình mẫu là: $\overline{X} = \frac{X_1 + X_2 + ... + X_n}{n} = \frac{1}{n}\sum_{i=1}^{n} X_i$

Trong đó, n là số sinh viên sư phạm tham gia làm thực nghiệm; X_i là giá trị của sinh viên thứ i đạt được.

+ Tính *phương sai mẫu* S^2: Phương sai mẫu phản ánh mức độ phân tán của biến ngẫu nhiên.

Công thức tính phương sai mẫu (có điều chỉnh) là:

$$S^2 = \frac{1}{n-1}\sum_{i=1}^{n}\left(X_i - \overline{X}\right)^2 = \frac{1}{n-1}\sum n_i (X_i - \overline{X})^2$$

Trong đó, $\overline{X}$ là trung bình mẫu; X_i là giá trị của sinh viên thứ i đạt được; n là số sinh viên sư phạm tham gia làm thực nghiệm; n_i là số sinh viên cùng đạt giá trị X_i.

+ *So sánh hai số trung bình thực nghiệm độc lập* khi kích thức mẫu đủ lớn (khi $n_1 \geq 30; n_2 \geq 30$)

Để có thể tìm ra sự khác biệt giữa hai số trung bình của hai nhóm TN và ĐC (mỗi nhóm có nhiều hơn 30 sinh viên tham gia), nhằm chứng minh tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục ĐĐNN đã áp dụng; cũng như chứng minh sự tương đồng về mặt nhận thức, thái độ và hành vi của hai nhóm TN và ĐC trước khi áp dụng các biện pháp giáo dục ĐĐNN ta thực hiện *phép kiểm u*:

$$u = \frac{\overline{X_1} - \overline{X_2}}{\sqrt{\frac{S_1^2}{n_1} + \frac{S_2^2}{n_2}}}$$

Trong đó, $\overline{X_1}$ và $\overline{X_2}$ là trung bình mẫu của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng; n_1 và n_2 là số lượng sinh viên của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng; S_1^2 và S_2^2 phương sai của hai nhóm TN và ĐC.

- Nếu $|u| \leq 1,96$ (hoặc 2,58) thì sự khác biệt giữa hai giá trị trung bình là không có ý nghĩa với ngưỡng sai lầm $\sigma = 0,05$ (hoặc 0,01), tức là hai nhóm TN và ĐC không có sự khác nhau về mặt nhận thức, thái độ và hành vi.

$$u = \frac{\overline{X_1} - \overline{X_2}}{\sqrt{\frac{S_1^2}{n_1} + \frac{S_2^2}{n_2}}} = \frac{7,80 - 7,20}{\sqrt{\frac{1,52}{150} + \frac{1,87}{158}}} = 4,05 > 2,58$$

Qua kết quả thu được cho thấy:

- Tỉ lệ SV đạt điểm dưới 5 của nhóm TN không còn nữa, trong khi đó tỉ lệ SV đạt điểm dưới 5 của nhóm ĐC lại không thay đổi. Sau khi nhận được kết quả này chúng tôi có tiến hành trò chuyện với SV nhóm ĐC thì ghi nhận được rằng: qua chuyến TTSP đã có một vài SV cảm thấy mệt mỏi và cho rằng mình không phù hợp với ngành SP (nó quá khó đối với bản thân). Còn khi chúng tôi tiến hành trò chuyện với SV nhóm TN thì ghi nhận được rằng: qua chuyến TTSP, bản thân các em cảm thấy thích được tiếp cận với học sinh và yêu nghề hơn. Qua đây chúng tôi thấy việc TTSP năm 3 của sinh viên CĐSP là rất cần thiết, nhưng BGH nhà trường cần phải tăng cường một số biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN phù hợp nhằm đồng bộ quá trình tuyên truyền, giáo dục ĐĐNN cho SVSP một cách có kế hoạch, có lộ trình thích hợp để chuẩn bị tốt hơn về mọi mặt cho SV trước và trong khi đi TTSP, nếu không sẽ không có tác dụng đối với một số SV.

- Tỉ lệ SV xếp loại tốt của nhóm TN tăng khá cao (từ chỗ: đánh giá đầu vào thấp hơn: Nhóm TN: 13,33%; Nhóm ĐC: 13,92%; đến lúc đánh giá đầu ra thì cao hơn hẳn: Nhóm TN: 30%; Nhóm ĐC: 22,15%). Qua đây thêm một lần nữa khẳng định các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN đã áp dụng lên nhóm TN đã thực sự phát huy thế mạnh.

- Cả hai nhóm TN và ĐC đều có điểm trung bình mẫu tăng cao hơn trước (Nhóm TN: 7,17 $\rightarrow$ 7,8; Nhóm ĐC: 6,95 $\rightarrow$ 7,2) qua đây cho thấy giai đoạn TTSP có ảnh hưởng khá lớn trong việc nhận thức ĐĐNN của SVSP. Tuy nhiên, vì chỉ có nhóm TN được áp dụng các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN nên điểm trung bình của nhóm TN đã cao hơn hẳn so với nhóm ĐC (Nhóm TN: 7,8; Nhóm ĐC: 7,2). Hơn nữa thông qua phép kiểm u ta có |u| = 4,05 > 2,58, ta hoàn toàn có thể khẳng định sự khác biệt giữa hai giá trị trung bình là có ý nghĩa với ngưỡng sai lầm $\sigma = 0,01$, tức là hai nhóm TN và ĐC có sự khác nhau về mặt

Về mặt thái độ

Điểm số	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
Nhómthực nghiệm	0	0	0	0	0	2	19	34	44	39	12	150
Nhóm đối chứng	0	0	0	0	4	14	31	39	34	30	6	158

Xếp loại	Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng	
	số lượng	%	số lượng	%
Yếu	0	0,00	4	2,53
TB	21	14,00	45	28,48
Khá	78	52,00	73	46,20
Tốt	51	34,00	36	22,79
Trung bình mẫu(Xtb)	7,90		7,26	
Phương sai mẫu	1,43		1,75	

$$u = \frac{\overline{X_1} - \overline{X_2}}{\sqrt{\frac{S_1^2}{n_1} + \frac{S_2^2}{n_2}}} \approx \frac{7,90 - 7,26}{\sqrt{\frac{1,43}{150} + \frac{1,75}{158}}} \approx 4,46 > 2,58$$

Qua kết quả cho thấy: Điểm trung bình của nhóm TN đã cao hơn hẳn so với nhóm ĐC (Nhóm TN: 7,9; Nhóm ĐC: 7,26). Hơn nữa thông qua phép kiểm u ta có |u| = 4,46 > 2,58, ta hoàn toàn có thể khẳng định sự khác biệt giữa hai giá trị trung bình là có ý nghĩa với ngưỡng sai lầm $\sigma = 0,01$, tức là hai nhóm TN và ĐC có sự khác nhau về mặt thái độ. Tức là nhờ việc áp dụng các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN phù hợp đã giúp cho SV nhóm TN đã có thái độ về ĐĐNN tốt hơn so với nhóm ĐC.

Ngoài ra, để thấy được sự phát triển về mặt thái độ của SVSP dưới sự tác động của các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN chúng ta xem bốn biểu đồ đánh giá đầu vào, đầu ra (xét về mặt thái độ) của hai nhóm TN và ĐC sau:

Về mặt hành vi

Điểm số	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
Nhóm thực nghiệm	0	0	0	0	0	0	16	31	42	47	14	150
Nhóm đối chứng	0	0	0	0	5	12	33	39	32	31	6	158

Xếp loại	Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng	
	số lượng	%	số lượng	%
Yếu	0	0,00	5	3,16
TB	16	10,67	45	28,48
Khá	73	48,67	71	44,94
Tốt	61	40,66	37	23,42
Trung bình mẫu(Xtb)	8,08		7,25	
Phương sai mẫu	1,32		1,79	

$$u = \frac{\overline{X_1} - \overline{X_2}}{\sqrt{\frac{S_1^2}{n_1} + \frac{S_2^2}{n_2}}} \approx \frac{8,08 - 7,25}{\sqrt{\frac{1,32}{150} + \frac{1,79}{158}}} \approx 5,85 > 2,58$$

Qua kết quả cho thấy: Điểm trung bình của nhóm TN đã cao hơn hẳn so với nhóm ĐC (Nhóm TN: 8,08; Nhóm ĐC: 7,25). Hơn nữa thông qua phép kiểm u ta có |u| = 5,85 > 2,58, ta hoàn toàn có thể khẳng định sự khác biệt giữa hai giá trị trung bình là có ý nghĩa với ngưỡng sai lầm $\sigma = 0,01$, tức là hai nhóm TN và ĐC có sự khác nhau về mặt hành vi. Như vậy, nhờ việc áp dụng các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN phù hợp đã giúp cho SV nhóm TN đã có hành vi về ĐĐNN tốt hơn so với nhóm ĐC.

Để thấy được sự phát triển về mặt hành vi của SVSP dưới sự tác động của các biện pháp quản lý GD ĐĐNN chúng ta xem bốn biểu đồ đánh giá đầu vào, đầu ra (xét về mặt hành vi) của hai nhóm TN và ĐC sau

Như vậy, qua kết quả phân tích trên ta có thể kết luận là các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN được áp dụng cho nhóm TN (cụ thể là: vạch kế hoạch rõ ràng, có lộ trình thực hiện phù hợp cho từng giai đoạn, có tập huấn cụ thể cho lực lượng giáo dục khác cùng phối hợp giúp đỡ, có biện pháp theo dõi nhắc nhở kịp thời khi cần thiết đối với từng hoạt động) thực sự có hiệu quả.

3.4.7. Kết luận về thực nghiệm

a. Mặc dù công tác TTSP được các trường sư phạm rất quan tâm, nhưng kết quả mang lại vẫn chưa như mong muốn. Các biện pháp cải tiến quản lý TTSP đã được áp dụng chứng tỏ phù hợp với thực tiễn thực tiễn TTSP của trường CĐSP.

b. Kết quả thực nghiệm sư phạm cho thấy nhận thức, thái độ, hành vi của SVSP về ĐĐNN có tiến bộ rõ rệt so với nhóm đối chứng.

c. Từ kết quả thực nghiệm sư phạm cho thấy giả thuyết nghiên cứu biện pháp TTSP có tác dụng tích cực đến giáo dục ĐĐNN cho SVSP đã được chứng minh có tính khả thi, đem lại kết quả rõ rệt.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ đánh giá thực trạng quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trong một số trường CĐSP khu vực miền Đông nam bộ trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi đề xuất 7 biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN trong các trường CĐSP nhằm nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN cho sinh viên CĐSP. Các biện pháp được đa số chuyên gia đánh giá cao cho thấy sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp. Các biện pháp cần được thực hiện đồng bộ và gắn bó với nhau, làm tiền đề cho nhau nhằm đạt được kết quả cao nhất đặt trong hệ thống quản lý nhà trường.

Thực nghiệm biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SVSP thông qua quản lý tốt TTSP ở nhà trường phổ thông cho thấy kết quả là sự chuyển biến và thay đổi theo hướng tích cực hơn về nhận thức, thái độ và hành vi của SVSP về ĐĐNN. Trong các con đường sử dụng để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm thì hoạt động thực hành nghiệp vụ sư phạm là con đường có những khả năng hết sức to lớn. Với vị trí là cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn, thực hành nghiệp vụ sư phạm tạo ra những điều kiện thuận lợi để sinh viên có sự nhận thức sâu sắc về các giá trị nghề nghiệp, được trải nghiệm về các giá trị nghề nghiệp và vận dụng

1.2. Về thực tế: Đề tài đã tiến hành nghiên cứu, điều tra, đánh giá được thực trạng ĐĐ và ĐĐNN của SVSP; thực trạng tổ chức quản lý GDĐĐNN cho SV trường CĐSP. Xác định được các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả tổ chức GDĐĐNN cho HSSV trường CĐSP. Việc khảo cứu từ thực tiễn cho thấy, quản lý giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong đào tạo giáo viên ở nhà trường CĐSP hiện nay chưa được định hướng như một quá trình giáo dục trọn vẹn, chưa được tổ chức một cách có kế hoạch. Trong nhà trường sư phạm, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên mới chỉ được kết hợp phần nào trong các hoạt động dạy học, giáo dục, mà chưa được tổ chức theo một chương trình cụ thể. Vì thế, sự hình thành định hướng giá trị đạo đức nghề nghiệp của sinh viên còn thiếu đi tính vững chắc, dễ bị biến đổi trước những tác động đa dạng của cuộc sống. Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy khái quát hóa các đánh giá của các cán bộ quản lý, GV, tự đánh giá của SV có sự đồng thuận khá cao về thực trạng ĐĐNN của SVSP các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Đó là:

- Đạo đức nói chung về yêu nước, chấp hành pháp luật, nội quy, tích cực tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt tập thể, hoạt động xã hội; quan hệ với thầy cô, bạn bè…đạt ở mức độ khá tốt. Tuy nhiên ĐĐNN sư phạm còn thể hiện khá mờ nhạt ở SVSP, nhận thức còn chung chung, thái độ thiếu say mê, hành động tìm tòi sáng tạo trong học nghề còn hạn chế.

- Quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP ở các trường CĐSP miền Đông Nam Bộ còn nhiều hạn chế do nhận thức chưa rõ tầm quan trọng và thiếu các biện pháp quản lý phù hợp.

1.3. Kết quả nghiên cứu cũng đã xác định và đề xuất 7 biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Trong các con đường sử dụng để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm thì hoạt động thực hành nghiệp vụ sư phạm là con đường có những khả năng hết sức to lớn. Với vị trí là cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn, thực hành nghiệp vụ sư phạm tạo ra những điều kiện thuận lợi để sinh viên có sự nhận thức sâu sắc về các giá trị nghề nghiệp, được trải nghiệm về các giá trị nghề nghiệp và vận dụng chúng vào việc giải quyết các tình huống đa dạng của thực tiễn giáo dục nhà trường phổ thông. Kết quả thực

HSSV.Tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ trợ lý công tác HS-SV của các khoa.

- Nhà trường tham mưu với UBND Tỉnh ban hành quy chế phối kết hợp giữa nhà trường, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể… trong công tác quản lý HS-SV ở ngoại trú trên địa bàn Tỉnh.

2.3. Với Đoàn TNCSHCM, Hội sinh viên

Tổ chức ĐTNCSHCM, Hội HSSV của các trường CĐSP cần thường xuyên bám sát nội dung, thay đổi hình thức hoạt động nhằm kích thích tinh thần hăng say hoạt động, thích tìm tòi và khám phá cái mới của thế hệ trẻ sao cho các hoạt động luôn hướng vào giáo dục ĐĐNN cho SVSP một cách thiết thực.

2.4. Với GV chủ nhiệm

Giáo viên chủ nhiệm có vị trí đặc biệt là thực hiện vai trò liên kết các lực lượng giáo dục trong nhà trường nhằm giáo dục đạo đức cho sinh viên. Là cầu nối trong hoạt động tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP trong và ngoài nhà trường nâng cao hiệu quả đáp ứng yêu cầu mục tiêu đề ra.

2.5. Đối với sinh viên sư phạm

Cần nhận thức rõ về vai trò, trách nhiệm của bản thân, tự giác học tập, tu dưỡng rèn luyện ĐĐNN sư phạm để hoàn thiện nhân cách nhà giáo ngay từ khi còn đào tạo trong trường sư phạm. Vì ĐĐNN không tự nhiên mà có, mà phải do bản thân tự nhận thức, tự rèn luyện với thái độ say mê nghề nghiệp thì mới thực sự thành công.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (2003), Từ điển Hán Việt (Tái bản có sửa chữa), NXB Văn hóa Thông tin, HN.

2. Phạm Kim Anh (2011), *Đạo đức người thầy giáo Việt Nam thời phong kiến,* Tạp chí Dạy & Học ngày nay số 12.

3. Hứa Văn Ân và nhiều tác giả (2004), *Truyền thống tôn sư trọng đạo,* NXB Trẻ.

4. Đặng Quốc Bảo (2004), *Quan điểm phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường và việc vận dụng vào hoàn cảnh Việt nam*, Thông tin Khoa học Giáo dục, số 107.

5. Đặng Quốc Bảo (1997), *những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục*, trường Cán bộ Quản lý Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

6. Nguyễn Huy Bằng (2000), *mối quan hệ giữa giáo dục pháp luật và giáo dục đạo đức trong việc hình thành nhân cách học sinh*, tạp chí đại học và giáo dục chuyên nghiệp số 12.

7. Nguyễn Ngọc Bích (2006) *tâm lý học nhân cách, một số vấn đề lý luận,* NXB ĐHQGHN, Hà Nội.

8. Ban thanh niên trường học (2007), *Định hướng giá trị cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Thanh niên.

9. Ban Lý luận giáo dục và tâm lý học, Viện nghiên cứu Đại học và giáo dục chuyên nghiệp (1987 - 1988), *Nghiên cứu điều tra xu hướng nhân cách sinh viên*

10. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 60 năm ngành sư phạm Việt Nam.*

11. Bộ Giáo dục và đào tạo: (2007) *Quy định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cho học sinh – sinh viên.*

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *"Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non trình độ*

24. Phạm Tất Dong- Lê Ngọc Hùng- Đồng chủ biên (1997), *Xã hội học*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.

25. Lê Duẩn (1962),*Càng yêu người bao nhiêu, thì càng yêu nghề bấy nhiêu*, Bài nói chuyện của đồng chí Lê Duẩn tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ngày 29/6/1962

26.Đảng cộng sản Việt Nam(2011),*Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia-2011.

27. Đại học Sư phạm Hà Nội (2000), *Đổi mới dạy học, nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý học, Giáo dục học phục vụ công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước,* Kỷ yếu Hội thảo, Hà Nội**.**

28.Nguyễn Minh Đạo (1997), *Cơ sở khoa học quản lý*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

29. Nguyễn Minh Đường (1996), *Bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới,* Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước K07, HN.

30.Ngô Hồng Điệp dịch- Nguồn: Tạp chí thư viện Việt nam.

31.*Giáo trình Đạo đức học Mác – Lênin* (2004), Nhà xuất bản lý luận Chính trị, Hà Nội.

32.Phạm Minh Hạc (1995), *"Tâm lí học",* nhà xuất bản giáo dục.

33.Phạm Minh Hạc (1997), *Giáo dục giá trị truyền thống cho HSSV*.

34.Phạm Minh Hạc (1999), *Giáo dục Việt nam trước ngưỡng cửa Thế kỷ XXI,* Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.

35.Phạm Minh Hạc làm chủ nhiệm(1996), mã số KHXH – 04, chương trình khoa học - công nghệ cấp Nhà nước.

36.Phạm minh Hạc(2001), *nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa,* nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.

37. Nguyễn Kế Hào chủ biên (2003), *Giáo trình tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm,* NXB ĐHSP.

52. Phan Văn Kha, Nguyễn Minh Đường (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.

53.Trần Kiểm (2004), Khoa học quản lý giáo dục, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* NXB Giáo dục.

54. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994)*Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

55.M.I.Kônzacôv (1994) *Cơ sở lý luận của khoa học quản lý*, Trường cán bộ quản lý GD- ĐT TW I và Viện Khoa học Giáo dục.

56.Komenxki J.A. (1991), *Thiên đường của trái tim*, NXB Ngoại văn, Hà Nội.

57.Đặng Bá Lãm (2003), *Giáo dục Việt Nam, những thập kỷ đầu thế kỷ XXI chiến lược và phát triển*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

58.Licosaxuba (1990)- *Tư tưởng quản trị kinh doanh hiện đại* – Nhà xuất bản Hà Nội.

59.Nguyễn Lộc (2010), *Lý luận về quản lý, Nhà xuất bản ĐHSP*, Hà Nội.

60.Nguyễn Lộc (2010), *Kỷ yếu hội thảo giáo dục quốc gia về khoa học giáo dục Việt nam,* tập 1, Khái niệm, cấu phần và xu thế của khoa học giáo dục.

61. Nguyễn Văn Lê (2009), *Học sinh, sinh viên với văn hoá đạo đức trong ứng xử xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

62.Luật giáo dục (2005), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

63. C.Mác, Ăngghen-Lênin (1972)*, Bàn về đạo đức*, Uỷ ban Khoa học xã hội - Viện Triết học (1972), Hà Nội**.**

64. C.Mác và Ăngghen toàn tập(1995)*,* tập 3, Nxb CTQG, Hà Nội.

65. Hồ Chí Minh, toàn tập (2000) tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

66. Hồ Chí Minh, toàn tập(2000) tập 8, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

67. Hồ Chí Minh, toàn tập(2000) tập 9,NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

68. Hồ Chí Minh, toàn tập (2000) , NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

69. Hồ Chí Minh(1996),*Về đạo đức cách mạng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội .

70. Hồ Chí Minh (1963), "*Bài nói tại Hội nghị tổng kết phong trào thi đua "Dạy tốt, học tốt" của ngành giáo dục phổ thông và sư phạm"*.

87.Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục (2005), Nhà xuất bản lao động, H nội .

88.Từ điển Tiếng Việt (1997), Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

89.Từ điển tiếng Việt (2005), Nhà xuất bản Hà Nội.

90.Từ điển xã hội học (1994), NXB Thế giới, Hà Nội.

91. Nguyễn Cảnh Toàn (1991) *Đặt đúng vị trí nghề dạy học, ngành sư phạm và cải tạo tâm lý xã hội đối với vấn đề này*, NCGD tháng 5/1991.

92. Nguyễn Cảnh Toàn (1990), *Bàn về giáo dục việt nam*, Nhà xuất bản Lao động.

93. Nguyễn Cảnh Toàn (1996), *Những chặng đường phát triển của ngành sư phạm Việt Nam,* Nxb Đại học quốc gia Hà Nội

94. Nguyễn Anh Tuấn (2004), *Nghiên cứu, xây dựng khái niệm đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học*, Thông tin khoa học trường Đại học Hùng Vương, số 02.

95. Nguyễn Anh Tuấn (2008), *Những ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường tới đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học*, Tạp chí Giáo dục số 182.

96. Nguyễn Anh Tuấn (2008), *những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ giáo dục học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

97. Mạc văn Trang (2011), *Xã hội học giáo dục*, NXB ĐHSP-2011.

98. Mạc Văn Trang(2010), *Một số hướng nghiên cứu động cơ trong tâm lý học.* Kỷ yếu hội thảo giáo dục quốc gia về khoa học giáo dục Việt nam, tập 1

99. Mạc Văn Trang (1998), Đề tài cấp Bộ, mã số B94-38-32, *Lối sống sinh viên hiện nay và những phương hướng, biện pháp giáo dục lối sống cho sinh viên.*

100.Mạc Văn Trang(2014), Tâm lý học sư phạm kỹ thuật, Viện SPKT, Đại học Bách khoa, Hà nội.

101.Triết học Mác-Lênin (2003), NXB CTQG, HN, 2003.

102.Trường Cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo (2001); *Giáo trình quản lý Giáo dục và Đào tạo*, Hà Nội.

103. V. Trọng *dịch- nguồn tin: T/c NLB Lâm Đồng.*

118.Mortimer R.Feinberg, Robert Tanofsky, John J. Tarrant (1975). *The new Psychology for managing people*. Prentice Hall, Inc. Englewood Cliffs, N. J.

119.Seymour B. Sarason, Murray Levine, I. Ira Goldenberg, Denis L. Cherlin and Edward M. Bennett (1966). *Psychology in community settings: clinical, educationa, vocational, social aspects*. John Wiley & sons Inc. New York. London. Sydney.

120.Education in China (2002), Ministry of Education The Peoples Republic of China

121.Education in Korea (2002-2003), Ministry of Education & Human Resources Development, Repupblic of Korea.

Một số trang Web:

122. www.iiep.unesco.org

123. http://www.htu.edu.vn

124. http://www.phapluattp.vn

125. http://www.qlkh.hcmussh.edu.vn

126. http:// tlgd.pyu.edu.vn/nguyencuukhoahoc.php?id=38

127.*http://photos.state.gov/libraries/vietnam/8616/pdf/ethical_standards_vn.pdf*

128.http://vnies.edu.vn/detail-news-view

129.*http://www.educationalleaders.govt.nz/Leadershipdevelopment/Professional-standards*

18.	Yêu quí quê hương				
19.	Tình yêu lao động				
20.	Giữ gìn bảo vệ di sản văn hóa đất nước				
21.	Tinh thần hợp tác				
22.	Ý thức về chính sách dân số				
23.	Ý thức bảo vệ môi trường				
24.	Tinh thần phê và tự phê				
25.	Lòng tự trọng				
26.	Lòng trung thành với TQ				
27.	Ý thức tự chiu trách nhiệm				
28.	Tự giác thực hiện nội quy, quy chế				
29.	Trang phục học đường				

Câu 2. Theo đồng chí, những tiêu chuẩn, phẩm chất nào là cần thiết đối với người giáo viên tương lai? (đánh dấu X vào ô trả lời)

TT	Các tiêu chuẩn, phẩm chất	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1.	Có lý tưởng XHCN			
2.	Có niềm tin nghề nghiệp			
3.	Có phẩm chất đạo đức tốt			
4.	Có lòng yêu nghề, yêu trẻ			
5.	Có hiểu biết sâu rộng			
6.	Có kiến thức chuyên môn vững vàng			
7.	Có năng lực tự học, tự bồi dưỡng			
8.	Tôn trọng nhân cách trẻ			
9.	Sẵn sàng phục vụ sự nghiệp GD trong mọi hoàn cảnh			

Câu 5. Xin đồng chí cho biết ý kiến của mình đối với việc đánh giá về những biểu hiện hành vi ĐĐNN của sinh viên? (đánh dấu X vào ô trả lời)

TT	Hành vi biểu hiện	Đánh giá			
		Biểu hiện tốt		Biểu hiện không tốt	
		Ở đa số sinh viên	Ở thiểu số sinh viên	Ở đa số sinh viên	Ở thiểu số sinh viên
1.	Tích cực tham gia các phong trào VN,TDTT				
2.	Chấp hànhtốt cácnội quy trường và quy định KTX				
3.	Quan tâm đến mọi người				
4.	Siêng năng tự giác học tập				
5.	Nghiện rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan				
6.	Thờ ơ với các hoạt động từ thiện				
7.	Lối sống buông thả trong tình bạn, tình yêu				
8.	Chỉ chú ý đến học tập chuyên môn, ít mở mang kiến thức.				
9.	Sống khépkín,ít quantâmcuộcsống xung quanh				
10.	Tham gia các phong trào chính trị xã hội				
11.	Chỉ chào hỏi thầy cô trực tiếp dạy mình				
12.	Ganh đua vì lợi ích riêng				

7.	Anh chị trong gia đình			
8.	Cơ quan pháp luật			
9.	Giáo viên chủ nhiệm			
10.	Hội cựu chiến binh			
11.	Hội sinh viên			
12.	Giáo viên bộ môn			
13.	Tập thể lớp			
14.	Các cơ sở SX kinh doanh			
15.	Chi đoàn			
16.	Ban quản lý KTX			
17.	Chính quyền địa phương			
18.	Hội người cao tuổi			
19.	Đài phát thanh truyền hình			
20.	Hội phụ nữ			
21.	Bạn thân			

Câu 8: Theo đồng chí, Đạo đức nghề nghiệp của sinh viên được nhà trường tổ chức giáo dục qua những hoạt động nào sau đây? Hoạt động nào có hiệu quả cao? (đánh dấu X vào ô trả lời)

TT	Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SVSP	Đánh giá	
		Đã thực hiện	Có hiệu quả cao
1.	Qua giảng day bộ môn lý luận Mác lê nin		
2.	Qua bài giảng các bộ môn		
3.	Sinh hoạt lớp. Đoàn. Hội sinh viên		
4.	Hoạt động văn nghệ, lễ hội		
5.	Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm		
6.	Hoạt động tự bồi dưỡng của GV		
7.	Tham quan học tập trường bạn		

	lý, kip thời				
8.	Sử dụng các lực lượng tiềm năng để tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP				
9.	Giáo dục bằng nêu gương				
10.	Qua các môn học				
11.	Qua các hoạt động khác				

Câu 10: Xin Đ/C cho biết nhà trường đã phối hợp các lực lượng xã hội nào để tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP? Lực lượng nào quan trọng nhất? (đánh dấu X vào ô trả lời)

TT	CÁC LỰC LƯỢNG	Đánh giá ( )	
		Phối hợp	Quan trọng nhất
1.	Chính quyền địa phương Trường đóng		
2.	Công an địa bàn địa phương		
3.	Cơ quan pháp luật(Tòa án, viện KS)		
4.	Cơ quan báo chí, phát thanh TH		
5.	Cơ quan báo chí		
6.	Các tổ chức cơ sở Đảng		
7.	Hội khuyến học		
8.	Tổ dân phố		
9.	Hội người cao tuổi		
10.	Hội cựu chiến binh		
11.	Hội cựu học sinh		
12.	Hội phụ nữ		
13.	Tỉnh đoàn		
14.	Ban dân tộc		
15.	Gia đình sinh viên		
16.	Các cơ sở sản xuất kinh doanh		
17.	Hội chử thập đỏ		

Câu 12. Theo Đ/C, để nắm vững tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên thì gia đình nên trao đổi với ai và bằng cách nào?(đánh dấu X vào ô trả lời)

TT	Đối tượng trao đổi và các hình thức	Đánh giá
1.	Trao đổi trực tiếp với SV	
2.	Trao đổi với bạn thân cúa SV	
3.	Trao đổi với GV chủ nhiệm lớp	
4.	Trao đổi với Đoàn trường	
5.	Trao đổi với Lớp trưởng	
6.	Trao đổi với giáo viên bộ môn	
7.	Trao đổi với chủ nhiệm khoa	
8.	Trao đổi với quản lý KTX	
9.	Trao đổi với tổ dân phố	
10.	Qua thư	
11.	Qua điên thoại	
12.	Qua internet	
13.	Gặp trực tiếp	

Câu 13. Đ/C cho biết trường đ/c có bộ phận chuyên trách công tác tổ chứcgiáo dục ĐĐNN cho SV viên không? Nếu có cho biết tên bộ phận đó?

Câu 14: Đ/C cho biết việc xây dựng kế hoạch tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV ở trường đồng chí được tiến hành như thế nào? (đánh dấu X vào ô trả lời)

TT	Kế hoạch	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không có
1.	KH năm			
2.	KH học kỳ			
3.	KH tháng			
4.	KH tuần			
5.	KH theo cấp trên			
6.	KH theo sự kiện phát sinh			

Câu 19: Xin đ/c cho biết việc đánh giá kết quả rèn luyện ĐĐNN cho SV ở nhà trường được thực hiện như thế nào?

- *Theo tháng*
- *Theo học kỳ*
- *Theo năm học*
- *Đánh giá qua các hoạt động phong trào*
- *Đánh giá đầy đủ các mặt của SV*
- *Chỉ đánh giá về mặt học tập của SV*
- *Chủ yếu do GV chủ nhiệm đánh giá*
- *Chủ yếu do phòng quản lý SV đánh giá*
- *Phối hợp đánh giá của Gv, phòng quản lý SV và tự đánh giá của SV*

Câu 20: Theo đ/c, nhà trường cần phải làm gì để hoàn thiện công tác tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SV?

1. *về nội dung tổ chức giáo dục ĐĐNN:*
2. *Về phương pháp tổ chức giáo dục ĐĐNN:*
3. *Về hình thức tổ chức giáo dục ĐĐNN:*
4. *Về điều kiện, phương tiện tổ chức giáo dục ĐĐNN:*
5. *Về tổ chức quản lý công tác giáo dục ĐĐNN:*
6. *Những ý kiến khác của đồng chí:*

Câu 21. Theo đ/c,nhà trường đã sử dụng các biện pháp tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SV ở mức độ nào?(đánh dấu X vào ô trả lời)

TT	Các biện pháp	Đánh giá			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Ít sử dụng
1.	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho CBQL và sinh viên về công tác tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP				
2.	Kế hoạch hóa công tác tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP				
3.	Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP				
4.	Xây dựng quy định về vai trò tự quản				

Phụ lục 2 **PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**

(Dùng cho các chuyên gia)

Xin đồng chí cho biết ý kiến của mình về tính cấp thiết và khả thi của 9 biện pháp sau đây:

STT	Các biện pháp	Ý kiến đánh giá							
		Rất đồng ý	%	Đồng ý	%	Phân vân	%	Ko đồng ý	%
1.	Phát huy vai trò của tổ chức Đảng, Đoàn nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức cho GV-SV về vị trí của giáo dục đạo đức nghề nghiệp.								
2.	GVCN là cầu nối giữa tập thể học sinh với các tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường.								
3.	Tổ chức tốt việc tích hợp giáo dục đạo đức trong hoạt động dạy học các môn văn hoá.								
4.	Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua hoạt động RLNVSP-Kiến thực tập SP								
5.	Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh								
6.	Thông qua việc thực hiện nội qui, qui chế học tập trong nhà trường.								
7.	Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ với các chủ đề giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên								
8.	Gắn nội dung GD đạo đức ở trường sư phạm với những giá trị truyền thống ở địa phương.								
9.	Phát huy vai trò chủ thể của SV và năng lực tự quản của tập thể SV nhằm giáo dục đạo đức.								

18.	Yêu quí quê hương				
19.	Tình yêu lao động				
20.	Giữ gìn bảo vệ di sản văn hóa đất nước				
21.	Tinh thần hợp tác				
22.	Ý thức về chính sách dân số				
23.	Ý thức bảo vệ môi trường				
24.	Lối sống trung thực, giản dị				
25.	Lòng tự trọng				
26.	Lòng trung thành với TQ				
27.	Ý thức tự chiu trách nhiệm				
28.	Tự giác thực hiện nội quy, quy chế				

Câu 2: Theo bạn, những tiêu chuẩn đạo đức NN nào là cần thiết đối với người giáo viên tương lai?

TT	Tiêu chuẩn	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1.	Có lý tưởng XHCN			
2.	Có niềm tin nghề nghiệp			
3.	Có phẩm chất đạo đức tốt			
4.	Có lòng yêu nghề, yêu trẻ			
5.	Có hiểu biết sâu rộng			
6.	Có kiến thức chuyên môn vững vàng			
7.	Có năng lực tự học, tự bồi dưỡng			
8.	Tôn trọng nhân cách trẻ			
9.	Sẵn sàng phục vụ sự nghiệp GD trong mọi hoàn cảnh			

Câu 5. Xin bạn cho biết ý kiến của mình đối với việc đánh giá về những biểu hiện hành vi ĐĐNN của sinh viên?

TT	Hành vi biểu hiện	Đánh giá			
		Biểu hiện tốt		Biểu hiện không tốt	
		Ở đa số sinh viên	Ở thiểu số sinh viên	Ở đa số sinh viên	Ở thiểu số sinh viên
1.	Tích cực tham gia các phong trào VN,TDTT				
2.	Chấp hành tốt các nội quy trường và quy định KTX				
3.	Quan tâm đến mọi người				
4.	Siêng năng tự giác học tập				
5.	Nghiện rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan				
6.	Thờ ơ với các hoạt động từ thiện				
7.	Lối sống buông thả trong tình bạn, tình yêu				
8.	Chỉ chú ý đến học tập chuyên môn, ít mở mang kiến thức.				
9.	Sống khép kín, ít quan tâm cuộc sống xung quanh				
10.	Tham gia các phong trào chính trị xã hội				
11.	Chỉ chào hỏi thầy cô trực tiếp dạy mình				
12.	Ganh đua vì lợi ích riêng				
13.	Yêu hòa bình, chống chiến tranh				
14.	Có thái độ sai trong thi cử				
15.	Chỉ tôn trọng thầy cô giáo, ít quan tâm cán bộ, nhân viên nhà trường				

3.	Công an địa phương			
4.	Bố mẹ			
5.	Tổ dân phố			
6.	Hội phụ nữ			
7.	Anh chị trong gia đình			
8.	Cơ quan pháp luật			
9.	Giáo viên chủ nhiệm			
10.	Hội cựu chiến binh			
11.	Hội sinh viên			
12.	Giáo viên bộ môn			
13.	Tập thể lớp			
14.	Các cơ sở SX kinh doanh			
15.	Chi đoàn			
16.	Ban quản lý KTX			
17.	Chính quyền địa phương			
18.	Hội người cao tuổi			
19.	Đài phát thanh truyền hình			
20.	Hội phụ nữ			
21.	Bạn thân			

Câu 8: Theo bạn, đạo đức nghề nghiệp của sinh viên được nhà trường tổ chức giáo dục qua những hoạt động chủ yêu nào sau đây? Hoạt động nào có hiệu quả cao?

TT	Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SVSP	Đánh giá	
		Đã thực hiện	Có hiệu quả cao
1.	Qua giảng day bộ môn lý luận Mác lê nin		
2.	Qua bài giảng các bộ môn		
3.	Sinh hoạt lớp. Đoàn. Hội sinh viên		
4.	Hoạt động văn nghệ, TDTT, lễ hội		
5.	Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm		
6.	Hoạt động tự bồi dưỡng của GV		

8.	Sử dụng các lực lượng tiềm năng để tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP				
9.	Giáo dục bằng nêu gương				
10.	Qua các môn học				
11.	Qua các hoạt động khác				
12.	Thảo luận về ĐĐNN				
13.	Nói chuyện ĐĐNN				
14.	Qua những ngày lễ lớn				

Câu 10: Xin bạn cho biết nhà trường đã phối hợp các lực lượng xã hội nào để tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP? Lực lượng nào quan trọng nhất?

TT	CÁC LỰC LƯỢNG	Đánh giá ( )	
		Phối hợp	Quan trọng nhất
1.	Chính quyền địa phương Trường đóng		
2.	Công an địa bàn địa phương		
3.	Cơ quan pháp luật (Tòa án, viện KS)		
4.	Cơ quan báo chí, phát thanh TH		
5.	Cơ quan báo chí		
6.	Các tổ chức cơ sở Đảng		
7.	Hội khuyến học		
8.	Tổ dân phố		
9.	Hội người cao tuổi		
10.	Hội cựu chiến binh		
11.	Hội cựu học sinh		
12.	Hội phụ nữ		
13.	Tỉnh đoàn		
14.	Ban dân tộc		
15.	Gia đình sinh viên		
16.	Các cơ sở sản xuất kinh doanh		
17.	Hội chử thập đỏ		

7.	Phong trào thi đua chưa thiết thực hiệu quả			
8.	Dư luận chưa tích cực hưởng ứng về biểu hiện tốt về ĐĐNN			
9.	Ảnh hưởng phim ảnh, sách báo đen			
10.	Biến đổi tâm sinh lý			
11.	Ảnh hưởng lôi kéo của bạn bè xấu			
12.	Quản lý của nhà trường chưa chặt chẽ			
13.	Công tác tự quản chưa tốt			
14.	Kiểm tra, đánh giá qua loa			
15.	Khen thưởng ít có giá trị động viên tích cực			
16.	Thiếu chủ động, tích cực			
17.	Kinh tế khó khăn			
18.	Người lớn chưa gương mẫu			

Phần cuối: Xin bạn cho biết đôi điều về bản thân

Nam……..Nữ……Sinh viên trường……..

Xin cám ơn!

	- Gặp gỡ các nhà trường có SV về TTSP. - Riêng nhóm thực nghiệm: Trưởng đoàn làm việc riêng với BGH trường về mục đích của giáo dục ĐĐNN - Sinh hoạt riêng với giáo sinh về các yêu cầu chung về TTSP, phổ biến các tiêu chí yêu cầu cần thiết về đạo đức nhà giáo (Cụ thể hóa tiêu chí)		đoàn và GV hướng dẫn TTSP	
5	Sinh hoạt hằng tuần với giáo sinh để nắm bắt tình hình. Chú ý vào những vấn đề: - Tình cảm ban đầu về nhà trường (Môi trường cảnh quan nhà trường; Giáo viên và học sinh,,,) - Chú ý hoàn cảnh học sinh lớp chủ nhiệm: Khó khăn, hoàn cảnh… - Thuận lợi khó khăn khi TTSP: giảng dạy, chủ nhiệm, gặp gỡ PHHS…) - Gợi mở về những hướng giải quyết. - Những cảm xúc, tình cảm ban đầu về nghề nghiệp - Những ước muốn thực hiện..	7/2012	Trưởng đoàn và GV hướng dẫn TTSP	
6	Chuẩn bị kết thúc đợt TTSP: - Gặp gỡ trao đổi với giáo sinh về những vấn đề liên quan đến nhận thức, thái độ của giáo sinh về các tiêu chí ĐĐNN: Những vấn đề cụ thể, những tình cảm, những hành vi tốt thực hiện. - Gặp gỡ với GV nhà trường hướng dẫn giáo sinh TTSP trao đổi, nắm bắt và thống nhất những nhận định. - Kịp thời phát hiện biểu dương những sinh viên dạy được đánh giá tốt và những giáo sinh làm công tác chủ nhiệm có những đóng góp bằng tình cảm thương yêu học sinh.	8/2012	Trưởng đoàn và GV hướng dẫn TTSP	Hỗ trợ

Phụ lục6 CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

(Thang điểm 10)

- Chấp hành Luật giáo dục, quy chế ngành, điều lệ quy định nhà trường
- Yêu nghề, gắn bó với nghề dạy học
- Có lòng nhân ái
- Có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm
- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo
- Sống trung thực, lành mạnh
- Tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh
- Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp
- Tinh thần ham học hỏi, cầu tiến bộ.

(Căn cứ để xây dựng hệ thống câu hỏi đánh giá SVSP)

C. Tạo bè phái, cục bộ địa phương để bao che bảo vệ nhau;

D. Không sử dụng bục giảng làm nơi tuyên truyền, phổ biến những nội dung trái với quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Câu hỏi 5: Trước khi vào học trường sư phạm ,anh (chị) nghĩ như thế nào về nghề dạy học? Đây là một nghề:

A. Rất cao quý B. Cao quý

C. Bình thường như các ngề khác D. Dành cho người kém cỏi

Câu hỏi 6: Anh (chị) hãy liệt kê các phẩm chất đạo đức mà người thầy phải có:

Câu hỏi 7: Anh (chị) hãy xắp xếp thứ tự quan trọng của những phẩm chất đạo đức nêu trên.

Câu hỏi 8: Trước khi vào trường sư phạm, anh (chị) đã có những phẩm chất gì? Hãy liệt kê.

Câu hỏi 9: Các dấu hiệu nào sau đây biểu hiện ĐĐNN của người thầy giáo trong giai đoạn hiện nay?

- Yêu nghề;
- Yêu trẻ;
- Có lí tường cao đẹp;
- Có khà năng giao tiếp tốt;
- Sẵn sàng nhận công tác ở những nơi khó khăn;
- Có ý chí vương lên, vươt qua gian khổ;
- Khiêm tốn , lịch sự;
- Muốn hưởng thành quả lao động do bàn tay mình lam ra;
- Biết làm giàu chính đáng;
- Quan hệ giao tiếp rộng;
- Thương mại hóa giáo dục;
- Có niềm tin nghề nghiệp;
- Đối xử bạo lực với học sinh;
- Lối sống trung thực giản dị;
- Có uy tín trước học sinh;

- Giáo dục lối sống trung thực, giản gị;

- Giáo dục ý thức tự rèn luyện,tự bồi dưỡng.

Câu hỏi 15: Để giáo dục ĐĐNN theo anh (chị) có thể sử dụng biện pháp nào dưới đây? Hãy xếp theo thứ tự quan trọng.

- Thông qua việc giảng dạy các môn học chuyên ngành;

- Thông qua việc giảng dạy các môn học nghiệp vụ;

- Rèn luyện NVSPTX;

- Công tác Đoàn TNCSHCM,Hội Sinh viên;

- Kỷ niệm các ngày lễ, truyền thống;

- Công tác giáo dục tư tưởng –chính trị;

- Giáo dục truyền thống;

- Tự rèn luyện của SVSP;

- Nói chuyện ngoại khóa;

- Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh;

- Thực tập sư phạm

- Khen thưởng và kỷ luật;

- Lao động;

- Hoạt động nghiên cứu khoa học.

Câu hỏi 16: Anh (chị) hãy kể tên các LLGD có thể tham gia giáo dục ĐĐNN Cho SVSP?

Câu hỏi 17: Anh (chị) hãy xếp theo thứ tự tầm quan trọng của các môi trường trong việc hình thành những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo

A. Trước khi vào trường sư phạm

B. Khi đã công tác

C. Trong quá trình học tập tại trường sư phạm

Câu hỏi 18: Theo anh (chị) để hình thành các phẩm chất ĐĐNN cho SVSP, có thể sử dụng các biện pháp nào dưới đây :

- Thông qua việc giảng dạy các môn chuyên nghành;

ĐÁNH GIÁ THÁI ĐỘ

Câu hỏi 1: Anh (chị) vào học trường sư phạm là do:

- Cha mẹ ép buộc;
- Phù hợp với khả năng bản thân;
- Dễ xin việc;
- Yêu nghề dạy học;
- Mến trẻ;
- Phù hợp điều kiện kinh tế của gia đình;
- Không đỗ các trường khác.

Câu hỏi 2: Sau lần đầu tiên dự lễ kỷ niệm 20/11 tại trường sư phạm, anh (chị) cảm thấy:

A. Rất hài lòng và thích trở thành giáo viên B. Vui vẻ

C. Bình thường D. Thất vọng về nghề sư phạm

Câu hỏi 3: Anh (chị) cảm thấy như thế nào khi thấy một giáo viên trù dập học sinh?

A. Phẩn nộ B. Coi thường

C. Không cảm thấy gì D. Cảm thông

Câu hỏi 4: Bạn là giáo sinh được phân công chủ nhiệm lớp có 1 học sinh khuyết tật (vì bị khuyết tật nên các bạn trong lớp thường xa lánh). Bạn sẽ xử lý thế nào?

A. Thường xuyên gần gủi với học sinh khuyết tật để giúp đỡ cho học sinh đó khi cần thiết! Phát hiện những thành tích của HS đó để kịp thời tuyên dương trước lớp. Đồng thời khuyến khích và tuyên dương những HS nào có những cử chỉ đẹp đã giúp đỡ cho HS khuyết tật đó vượt qua khó khăn;

B. Ngại tiếp xúc với HS khuyết tật;

C. Bình thường;

D. Xin chuyển sang chủ nhiệm lớp khác.

Câu hỏi 5: Bạn nhận định thế nào về việc: có giáo viên thường ra đề kiểm tra với nội dung chưa được trình bày trên lớp học mà chỉ trình bày tại lớp học thêm ở nhà?

A. Bình thường thôi! Có thế thì HS mới đi học thêm và GV mới có thu nhập thêm.

B. Phản đối quyết liệt;

C. Nếu là tôi, tôi cũng làm thế;

Câu hỏi 12: Một bạn cùng phòng rất nghèo nhưng cố gắng vừa đi làm, vừa đi học, anh (chị) sẽ:

A. khâm phục B. Bình thường C. Coi thường

Câu hỏi 13: Sau khi ra trường, anh (chị) muốn làm gì?

A. Đi dạy học B.Chưa biết làm gì

C. Không dạy học tìm nghề khác có thu nhập cao hơn

Câu hỏi 14: Nếu ra trường anh chị thấy được phân công dạy ở một trường miền núi rất khó khăn, anh(chị) sẽ :

A. Vui vẻ nhận công tác

B. Nhận công tác rồi tìm cách chuyển công tác về xuôi

C. Từ chối nhận công tác ,chờ công tác ở dưới xuôi

D. Tìm việc làm khác

Câu hỏi 15: Gặp một người thường chê bai nghề dạy học, anh (chị) cảm thấy:

A. Phẫn nộ B. Coi như không biết C. Đồng tình với người đó

Câu hỏi 16: Sau khi ra trường anh (chị) muốn làm việc :

A.Gần nhà B. Nơi thu nhập cao

C. Nơi khó khăn gian khổ D.Nơi nào cũng được

Câu hỏi 17: Thấy một giáo viên rất nghèo nhưng lại say sưa với công việc, chăm lo cho học sinh, anh (chị) cảm thấy

A. Kính nể B. Bình thường C.Coi thường

Câu hỏi 18: Trước khi vào học trường sư phạm, anh (chị) nghĩ như thế nào về nghề dạy học? Đây là một nghề:

A. Rất cao quý B. Cao quý

C. Bình thường như các nghề khác D. Dành cho những người kém cỏi

Câu hỏi 19: Dạy học thời gian thực tập sư phạm, anh (chị) suy nghĩ như thế nào về ngành dạy học?

- Yêu nghề dạy học hơn;
- Thích thú với công việc;

C. Đứng lên! Phản đối và chỉ trích giảng viên về vấn đề vừa nêu ra;

D. Không phản đối nhưng ra ngoài thì chỉ trích giảng viên trước mọi người.

Câu hỏi 4: Nếu bạn là một giáo viên và có phụ huynh của 1 học sinh lớp bạn đang dạy đến tặng một món quà có giá trị cao và đề cập thẳng vấn đề nhờ bạn nâng đỡ cho con học được điểm cao trong môn học bạn đang dạy thì bạn xử lý thế nào?

A. Vui vẽ nhận quà và hứa sẽ giúp đỡ;

B. Hứa sẽ giúp đỡ nhưng quyết không nhận quà vì đó là trách nhiệm của người giáo viên;

C. Không nhận quà và mời phụ huynh ra về.

Câu hỏi 5: Trong lớp bạn đang chủ nhiệm có 1 học sinh hư, nhưng khi bạn liên lạc với gia đình của học sinh thì phụ huynh học sinh rất thờ ơ. Vậy bạn sẽ làm gì trong tình huống này?

A. Mặc kệ

B. Báo lên nhà trường, hết trách nhiệm.

C. Tìm hiểu hoàn cảnh gia đình của HS, thông qua bạn bè của HS và thông qua chính HS rồi phối hợp với các đoàn thể trong trường cùng giáo dục HS đó.

Câu hỏi 6: Một lần do đồng nghiệp của bạn bị ốm phải nghỉ dạy, bạn được phân công dạy thay. Sau khi kết thúc bài giảng, bạn hỏi các em: "Thầy (cô) dạy thế các em có hiểu bài không?". Các em trả lời: "Thầy dạy hay lắm ạ. Thầy (cô) A dạy chúng em chẳng hiểu gì cả. Hay là thầy (cô) dạy luôn lớp em đi ạ". Vào tình huống này bạn chọn cách xử lý nào trong 3 cách sau:

A. Mỉm cười, im lặng không nói gì.

B. Phê bình các em, tỏ thái độ không thích khi các em nói "xấu" thầy (cô) giáo A.

C. Giải thích cho các em hiểu mỗi người có một phương pháp dạy riêng, không nên phê phán thầy (cô) A dạy không hay.

Câu hỏi 7: Một học sinh sắp bị đưa ra xét ở Hội đồng kỷ luật. Phụ huynh là người có chức vị ở địa phương đến đề nghị bạn với tư cách là giáo viên chủ nhiệm xin với Hội đồng kỷ luật chiếu cố và "cho qua". Nếu là giáo viên chủ nhiệm, bạn ứng xử thế nào với vị phụ huynh đó?

léo tìm hiểu nguyên nhân cách cư xử của thầy với em. Và để em có thể yên tâm phần nào, bạn hứa sẽ có dịp chuyện trò với thầy giáo B để thầy hiểu và thông cảm cho em.

Câu hỏi 10: Anh (chị) tham gia vào việc học tập ở trên lớp :

A. Rất tích cực B. Tích cực C. Bình thường D. Sao nhãng

Câu hỏi 11: Trong khi thi học phần , anh (chị) thường :

A . Không bao giờ sử dụng tài liệu B.Thi thoảng sử dụng

C.Nhiều lần sử dụng D.Rất thường xuyên sử dụng tài liệu

Câu hỏi 12: Ngoài việc học tập ở trên lớp , anh (chị) học tập ở nhà như thế nào?

A.Chủ động học B.Học để thi qua , đối phó với giáo viên

C.Lúc nào thích thì học , không thì thôi D.Không học

Câu hỏi 13: Anh (chị) rèn luyện NVSP như thế nào ?

A.Rất thường xuyên B.Thường xuyên

C. Thi thoảng D.Không bao giờ

Câu hỏi 14: Khi đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động xã hội (Tình nguyện, tiếp sức mùa thi, văn nghệ, thể thao), anh (chị):

A.Tham gia thường xuyên , tích cực B. Khi nào yêu cầu thì tham gia

C.Thi thoảng tham gia D.Không tham gia bao giờ

Câu hỏi 15: Trong đợt TTSP, để có thể lên lớp, anh (chị) chuẩn bị giáo án như thế nào?

A. Soạn nhiều lần rồi xin ý kiến của giáo viên chỉ đạo;

B. Chờ sự hướng dẫn của giáo viên chỉ đạo;

C. Soạn cho qua quýt, cốt cho đủ thủ tục;

D. Mượn hoặc chép giáo án của người khác.

Câu hỏi 16: Giờ học do giảng viên tiến hành rất buồn tẻ và nặng nề, anh(chị) sẽ:

A. Cố gắng theo dõi, nắm lấy những vấn đề cơ bản;

B. Lúc nào hay thì nghe, không hay thì thôi;

C. Ngủ gật trong lớp;

D. Trêu chọc các bạn khác.

Câu hỏi 23: Thiếu một bài kiểm tra điều kiện và không được dự thi học phần. Anh (chị) thường làm gì?

A. Thành khẩn nhận lỗi với giáo viên và xin làm bù bài khác;

B. Chấp nhận quyết định của giáo viên;

C. là sinh viên ai mà chẳng một lần như thế;

D. Dùng tiền để mua chuộc giáo viên.

Câu hỏi 24: Anh (chị) có nghĩ đến việc sẽ liên thông lên đại học sau khi ra trường không?

A. Nhất định sẽ phải học tiếp, ngay khi có thể

B. Thế là quá đủ để có thể đi dạy rồi

C. Không tìm được việc làm thì mới đi học để tìm thêm cơ hội

Câu hỏi 25: Trong chuyến TTSP năm 3, có nhiều thời gian tiếp xúc với học sinh, khi đó anh (chị)

A. Chỉ muốn tiếp xúc và chỉ bài cho các học sinh con nhà giàu

B. Không muốn tiếp xúc và chỉ bài cho các học sinh yếu, kém

C. Chỉ cần đó là học sinh thi đều muốn tiếp xúc và muốn giúp đỡ học sinh trong học tập

D. Thích giúp đỡ và tiếp xúc với những học sinh là con em trong gia đình có chức quyền.

B. NHIỆM VỤ TRONG TUẦN TỚI

I. Căn cứ vào chủ trương của nhà trường để vạch ra nhiệm vụ cụ thể của lớp (phần này GVCN chỉ đạo BCS lớp, BCH chi đoàn xây dựng nội dung cụ thể)

II. Tập thể lớp bổ sung ý kiến.

III. Các ý kiến khác……

IV. **GVCN kết luận những nhiệm vụ cụ thể và nêu những biện pháp phấn đấu, cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ của lớp, của trường**.

C. Ý KIẾN THAM GIA ĐÓNG GÓP, XÂY DỰNG TRƯỜNG

D. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

Cuộc họp kết thúc vào lúc …… giờ …… phút cùng ngày.

Biên bản cuộc họp đã được GVCN và tập thể lớp thông qua.

THƯ KÝ	LỚP TRƯỞNG	GVCN
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

III. <u>Đối tượng tham gia</u>

1. Tham gia trực tiếp

- Sinh viên các lớp: K13 Toán; K13 Lý; K13 Văn – GDCD; K13 Sinh - kỹ; K13 Mầm non A.

- Giáo viên chủ nhiệm của năm lớp trên.

- Giáo viên tổ chức và dẫn dắt chương trình: …….

- Giáo viên tham gia biên soạn nội dung kiến thức gồm:…….

2. Khách mời

- BGH và trưởng phó các phòng (ban), khoa (tổ)

- Các thầy, cô giáo trong nhà trường

IV. <u>Thời gian, địa điểm</u>

1.Thời gian: - Bắt đầu từ 19^h00’ ngày …..tháng ….. năm ……

2.Địa điểm**:** - Hội trường C

V. <u>Phân công cụ thể</u>

- Mỗi lớp chuẩn bị 01đến 02 tiết mục văn nghệ *(chủ đề quê hương, đất nước, thầy cô);*

- GVCN quản lý sinh viên trong buổi ngoại khóa, hỗ trợ cho BTC phát quà cho sinh viên.

- Bài nói chuyện với chủ đề “Đạo đức nghề giáo”.

- Biên soạn nội dung câu hỏi theo các nội dung trên.

- ……lập kịch bản, tổ chức dẫn chương trình cho buổi ngoại khóa.

Trên đây là toàn bộ kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa chủ đề ***“ Đạo đức nghề giáo – Sinh viên sư phạm ”***

Xác nhận của BGH **Người lập kế hoạch**

II. Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

1. Ý kiến của các thành viên trong tổ (nhất trí hay không nhất trí, bổ sung thêm nội dung gì, biện pháp khắc phục khuyết điểm)

Tổ tự nhiên:

***Tổ* xã hội – mầm non**:

2. Ý kiến của chủ trì: (Nhất trí hay không nhất trí, bổ sung thêm nội dung gì, biện pháp khắc phục khuyết điểm, biện pháp khắc phục những khó khăn)…

B. NHIỆM VỤ TRONG TUẦN TỚI

III. Căn cứ vào kế hoạch của đợt TTSP để vạch ra nhiệm vụ của tổ (phần này trưởng /phó trưởng đoàn chỉ đạo các tổ trưởng xây dựng nội dung cụ thể)

- *Tổ tự nhiên*:

- *Tổ* xã hội – mầm non:

IV. Tập thể bổ sung ý kiến.

V. Bổ sung, nhắc nhở của chủ trì

C. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP: ……

Cuộc họp kết thúc vào lúc …… giờ …… phút cùng ngày.

Biên bản cuộc họp đã được chủ trì và tập thể SV của nhóm thông qua.

THƯ KÝ	CÁC TỔ TRƯỞNG (TN&XH)	CHỦ TRÌ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Phụ lục 12 **PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU**

(Dành cho GV trường có giáo sinh TTSP)

1.Thông tin cá nhân:

- Họ tên: Trần Thị Nhung Chức vụ-công việc: Giáo viên

- Đơn vị: Trường THCS Bù Nho- Bù Gia Mập- Bình Phước

- Nội dung phỏng vấn:

+ Theo Thầy (cô) , giáo sinh sư phạm về trường TTSP có ảnh hưởng tốt đến công tác giáo dục đạo đức cho học sinh không? Vì sao?

+ Với trường hợp học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập, giáo sinh sư phạm có quan tâm, hỗ trợ gì một cách thiết thực cho các em?

+ Với trường hợp học sinh cá biệt, giáo sinh SP đã có cách giáo dục gì hay được xem là có tác dụng tốt.

+ Giáo sinh làm công tác chủ nhiệm có thiết lập mối liên hệ với PHHS không? Tác dụng?